**KHBD TIN 7 CÁNH DIỀU (Quyển 1)**

Ngày soạn: 27/8/2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày /9/2024. Lớp 7B dạy ngày /9/2024

Lớp 7C dạy ngày /9/2024. Lớp 7D dạy ngày /9/2024

Lớp 7E dạy ngày /9/2024. Lớp 7G dạy ngày /9/2024.

**CHỦ ĐỀ A: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG**

**SƠ LƯỢC VỀ CÁC THÀNH PHẦN CỦA MÁY TÍNH**

**KHÁI NIỆM HỆ ĐIỀU HÀNH VÀ PHẦN MỀM ỨNG DỤNG**

Tuần 1

**Tiết 1:**  **BÀI 1: THIẾT BỊ VÀO – RA CƠ BẢN CHO MÁY TÍNH CÁ NHÂN**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

* Nhận biết được các thiết bị vào – ra cơ bản và thông dụng nhất.
* Biết được có nhiều loại máy tính cá nhân với các kiểu thiết bị vào – ra khác nhau
* Biết được một số thiết bị có thể vừa là đầu vòa vừa là đầu ra

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

? Theo em, nên nói “một chiếc máy tính xách tay” hay “một bộ máy tính xách tay”? Vì sao?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** (20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu thiết bị vào – ra cơ bản cho máy tính để bàn

**- Mục Tiêu:** Nắm được thế nào là thiết bị vào – ra và các loại thiết bị vào ra

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. THIẾT BỊ VÀO – RA CƠ BẢN CHO MÁY TÍNH ĐỂ BÀN**  Máy tính để bàn là một bộ gồm: hộp thân máy, màn hình, bàn phím và chuột  - Bàn phím, chuột được dùng để nhập dữ liệu và điều khiển hoạt động của máy tính, đó là thiết bị vào cơ bản.  - Màn hình hiển thị kết quả xử lí thông tin hoặc thông báo tới người dùng máy tính, đó là thiết bị ra cơ bản.  - Hộp thân máy: chứa những thành phần quan trọng của máy tính. Đó là bộ xử lí trung tâm (CPU), bộ nhớ trong (RAM), bộ nhớ ngoài (ổ đĩa cứng)  - Ổ đĩa cứng chứa các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng và nhiều tệp dữ liệu khác.     * Muốn máy tính để bàn có khả năng nhận thông tin dạng hình ảnh, ta có thể cắm thêm thiết bị thu hình trực tiếp (webcam) * Cắm thêm loa hay bộ tai nghe kèm micro sẽ làm cho máy tính để bàn có khả năng xuất ra và nhận vào thông tin dạng âm thanh   **Ghi nhớ:**  - Những thành phần quan trọng nhất của máy tính là bộ xử lí trung tâm, bộ nhớ trong và ổ đĩa cứng (bộ nhớ ngoài), nhưng con người cũng không thể sử dụng máy tính nếu thiếu các thiết bị vào – ra cơ bản. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** đưa ra các hoạt động  HĐ1  **?** Em hãy cho biết máy tính để bàn gồm có những bộ phận nào? Em có hiểu gì về các bộ phận đó?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  **GV:** em hãy cho biết những bộ phận sau thuộc phần nào của máy tính?    ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu Thiết bị vào ra cơ bản cho máy tính xách tay

**a) Mục tiêu:** Nắm được Thiết bị vào ra cơ bản cho máy tính xách tay

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. THIẾT BỊ VÀO - RA CƠ BẢN CHO MÁY TÍNH XÁCH TAY**  **-** Toàn bộ hộp thân máy, màn hình, bàn phím và chuột của máy tính xách tay được tích hợp chung thành một khối, đảm nhiệm đầy đủ các chức năng của thiết bị vào-ra và bộ phận xử lí thông tin.  - Tấm chạm thay cho chuột    **-** Máy tính xách tay thường có sẵn loa, micro và camera.  **Ghi nhớ:**  - Hiện nay máy tính xách tay thường có khả năng nhận thông tin vào và xuất thông tin ra dưới dạng hình ảnh, âm thanh. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV: tổ chức các hoạt động**  Máy tính để xách tay gồm những bộ phận nào?  Em có nhận xét gì về máy tính để bàn và máy tính xách tay?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **HS:** Lấy các ví dụ trong thực tế.  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Tìm hiểu Thiết bị vào ra cơ bản cho máy tính bảng và điện thoại thông minh

**a) Mục tiêu:** Nắm được Thiết bị vào ra cơ bản cho máy tính bảng và điện thoại thông minh

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3. THIẾT BỊ VÀO - RA CƠ BẢN CHO MÁY TÍNH BẢNG VÀ ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH**      - Máy tính bảng và điện thoại thông minh dùng màn hình chạm (touch screen) hay còn gọi là màn hình cảm ứng.  - Màn hình cảm ứng xuất hiện bàn phím ảo khi cần nhập dữ liệu; cho phép chạm ngón tay để điều khiển máy tính thay thế chuột  **Ghi nhớ:**  - Màn hình cảm ứng vừa là thiết bị vào vừa là thiết bị ra. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV: tổ chức các hoạt động**  Theo em bộ phận nào của máy tính bảng, điện thoại thông minh có chức năng tương tự với bàn phím và tấm chạm của máy tính xách tay?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **HS:** Lấy các ví dụ trong thực tế.  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌+‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**(10 phút)

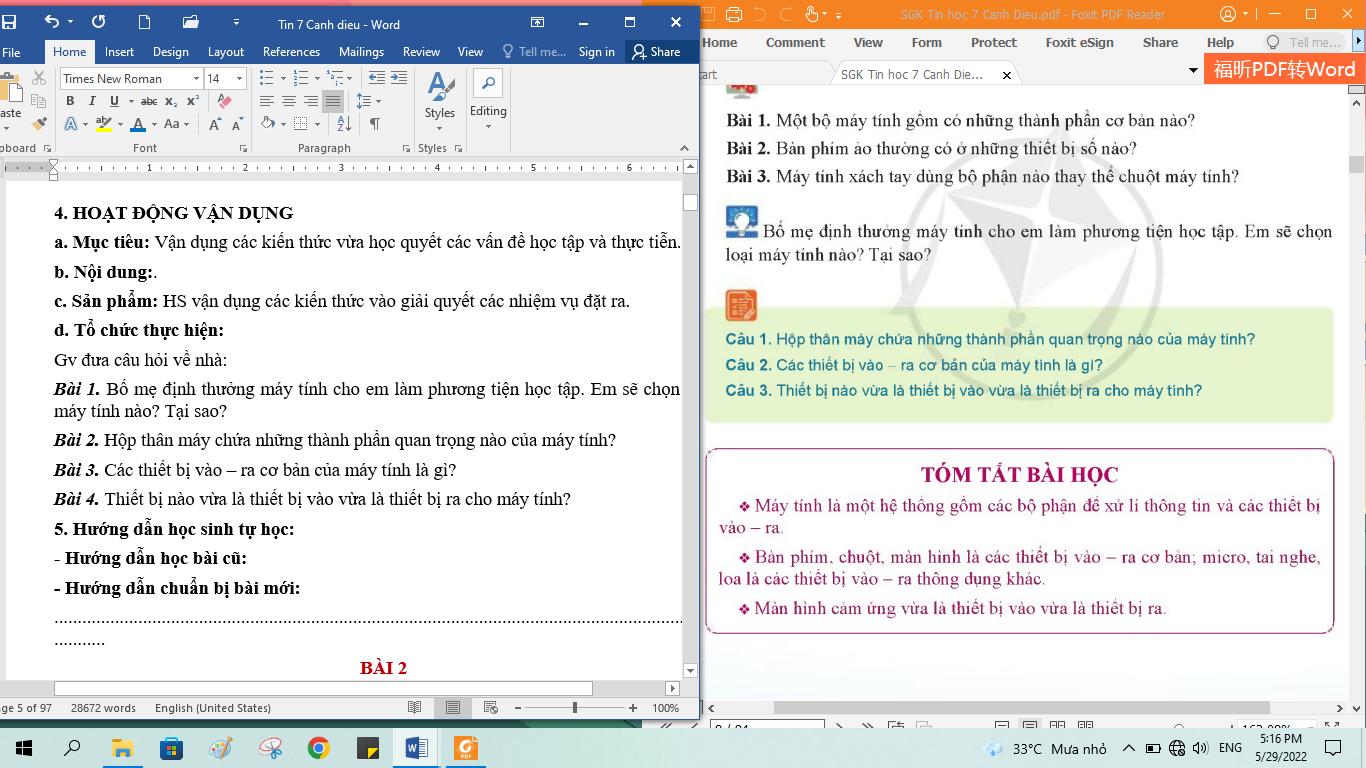
**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

**Luyện tập**

***Bài 1.*** Một bộ máy tính gồm có những thành phần cơ bản nào?

***Bài 2.*** Bàn phím ảo thường có ở những thiết bị số nào?

***Bài 3.*** Máy tính xách tay dùng bộ phận nào thay thế chuột máy tính?

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv đưa câu hỏi về nhà:

***Bài 1.*** Bố mẹ định thưởng máy tính cho em làm phương tiện học tập. Em sẽ chọn loại máy tính nào? Tại sao?

***Bài 2.*** Hộp thân máy chứa những thành phần quan trọng nào của máy tính?

***Bài 3.*** Các thiết bị vào – ra cơ bản của máy tính là gì?

***Bài 4.*** Thiết bị nào vừa là thiết bị vào vừa là thiết bị ra cho máy tính?

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài tập A1; A2; A3; A4 trang 4; 5trong Sách Bài tập Tin học 6.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 4/9/2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 27 / 8/2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày /9 /2024. Lớp 7B dạy ngày /9 /2024

Lớp 7C dạy ngày /9 /2024. Lớp 7D dạy ngày /9 /2024

Lớp 7E dạy ngày / 9/2024. Lớp 7G dạy ngày /9 /2024.

Tuần 2

**Tiết 2: BÀI 2 .CÁC THIẾT BỊ VÀO - RA**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết được thiết bị vào – ra là gì

- Biết được một số thiết bị vào – ra qua ví dụ minh họa

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**(5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

? Theo em, ổ đĩa cứng có phải là thiết bị vào – ra hay không?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu khái niệm thiết bị vào - ra

**- Mục Tiêu:** Biết khái niệm các thiết bị vào - ra

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. KHÁI NIỆM THIẾT BỊ VÀO - RA**  - Các thiết bị giúp máy tính nhận thông tin vào, xuất thông tin ra sẽ được gọi chung là thiết bị vào – ra hay thiết bị ngoại vi  - Ở đầu vào, máy tính nhận tín hiệu gõ phím, nháy chuột, nhận hình ảnh, âm thanh, dữ liệu số từ mạng hay từ các thiết bị lưu trữ như: ổ đĩa cứng, thẻ nhớ, USB, đĩa CD, DVD.  - Ở đầu ra, máy tính hiển thị thông tin ra màn hình, in ra giấy, phát ra loa,… tức là chuyển dữ liệu số thành dạng thông tin quen thuộc với con người.  **Ghi nhớ:**  - Thiết bị vào – ra: tên gọi chung của các thiết bị để khi hoạt động, máy tính nhận thông tin từ thế giới bên ngoài và xuất thông tin ra thế giới bên ngoài | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động: HĐ1  Hãy kể tên những thiết bị có thể:  **1)** Thu nhận thông tin đưa vào máy tính  2) Xuất thông tin ra khỏi máy tính dưới dạng quen thuộc với con người  3) Đọc hay lưu dữ liệu số từ máy tính vào vật lưu trữ hoặc gửi lên mạng  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌**\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2: Tìm hiểu một số thiết bị vào - ra***

**a) Mục tiêu:** Nắm được một số thiết bị vào - ra

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. MỘT SỐ THIẾT BỊ VÀO - RA**  - Máy ghi âm số, máy ảnh số, máy quay video số có thể là thiết bị vào khi kết nối trực tiếp với máy tính.  - Máy quét là thiết bị chuyển văn bản, hình ảnh thành tệp ảnh số hóa.  - Máy đọc chữ chuyên dụng (OCR) chuyển văn bản chữ in thành dữ liệu văn bản cho máy tính.  - Máy quét 3 chiều quét các vật thể có hình khối, chuyển thành phác thảo 3D, có thể xoay để xem từ nhiều góc nhìn  - Đầu đọc mã vạch là thiết bị vào    **-** Máy in là thiết bị ra | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ2  Ngoài các thiết bị vào – ra ở trên, em hãy kể tên các thiết bị vào – ra hiện nay mà em biết?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **HS:** Lấy các ví dụ trong thực tế.  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (11 phút)

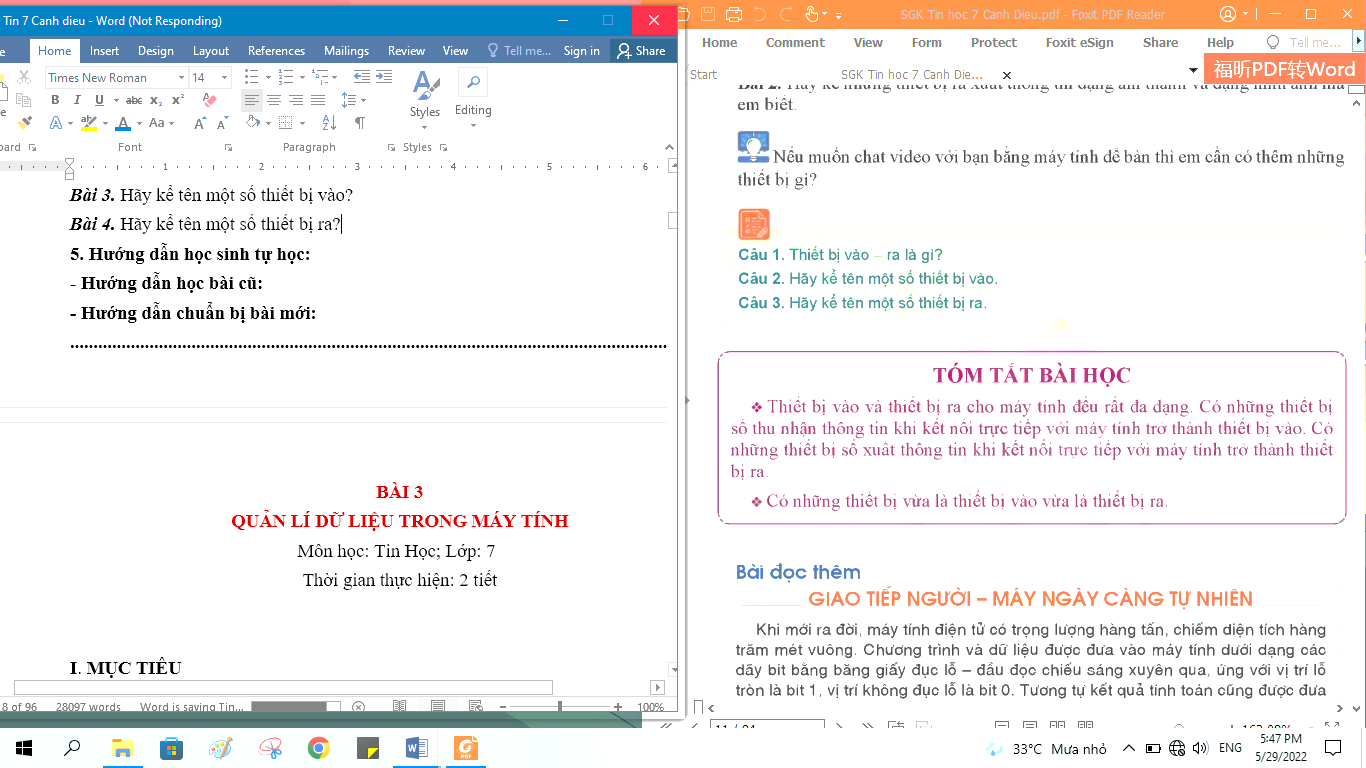
**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Em hãy kể những thiết bị vào nhận thông tin dạng âm thanh và dạng hình ảnh mà em biết?

***Bài 2.*** Em hãy kể những thiết bị ra xuất thông tin dạng âm thanh và dạng hình ảnh mà em biết?

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (9 phút)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:**.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv đưa câu hỏi về nhà:

***Bài 1.*** Nếu muốn chat video với bạn bằng máy tính để bàn thì em cần có thêm những thiết bị gì?

***Bài 2.*** Thiết bị vào – ra là gì?

***Bài 3.*** Hãy kể tên một số thiết bị vào?

***Bài 4.*** Hãy kể tên một số thiết bị ra?

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài A9; A10; A11; A12 trang 6 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: / /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: /9 /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày /9 /2024. Lớp 7B dạy ngày /9 /2024

Lớp 7C dạy ngày / 9 /2024. Lớp 7D dạy ngày / 9 /2024

Lớp 7E dạy ngày / 9 /2024. Lớp 7G dạy ngày /9 /2024.

Tuần 3

**Tiết 3: BÀI 3 .THỰC HÀNH VỚI CÁC THIẾT BỊ VÀO - RA**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Kết nối được màn hình, bàn phím, chuột với máy tính để sử dụng.

- Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho các thiết bị và hệ thống xử lí thông tin.

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (4 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

(Không)

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (31 phút)

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu kết nối đúng cách bàn phím, chuột với máy tính.

**- Mục Tiêu:** Biết kết nối đúng cách bàn phím, chuột với máy tính

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. KẾT NỐI ĐÚNG CÁCH BÀN PHÍM, CHUỘT VỚI MÁY TÍNH**  ***Nhiệm vụ:*** Có hộp thân máy, một số bàn phím và chuột các loại khác nhau để tách rời bên ngoài. Hãy chọn các thiết bị trên kết nối với máy tính và khởi động lại (nếu cần thiết) để có thể bắt đầu sử dụng.  ***Hướng dẫn:***  Bước 1. Nhận biết các cổng cắm trên thân máy có thể dùng kết nối chuột, bàn phím  - Cổng tròn  - Cổng USB  Bước 2. Nhận biết bàn phím, chuột tương ứng  - Bàn phím, chuột có dây gắn đầu cắm hình tròn  - Bàn phím, chuột có dây gắn đầu cắm USB  - Bàn phím, chuột không dây (kèm đầu cắm USB)    Bước 3. Thực hiện kết nối cho mỗi loại  - Cắm đầu cắm hình tròn vào cổng tròn đánh dấu tương ứng (màu sắc, hình dạng)  - Cắm đầu cắm USB vào cổng USB  - Lấy USB đi kèm để kết nối không dây, cắm vào cổng USB  Bước 4. Kiểm tra hoạt động của các thiết bị.  - Lắp pin và bật công tắc trên bàn phím, chuột (nếu cần)  - Kiểm tra hoạt động của chuột và bàn phím | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu kết nối đúng cách màn hình với máy tính.

**- Mục Tiêu:** Biết kết nối đúng cách màn hình với máy tính

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. KẾT NỐI ĐÚNG CÁCH MÀN HÌNH VỚI MÁY TÍNH**  ***Nhiệm vụ:*** Có hộp thân máy và dây cắm màn hình các loại khác nhau để tách rời bên ngoài. Hãy chọn dây cắm phù hợp và kết nối màn hình với máy tính để có thể bắt đầu sử dụng.  ***Hướng dẫn:***  Bước 1. Nhận biết các cổng cắm có thể dùng cho thiết bị xuất hình ảnh  - Cổng VGA, DVI, HDMI, Display  Bước 2. Nhận biết đầu cắm tương ứng    Bước 3. Thực hiện kết nối  - Cắm đầu cắm vào đúng cổng, bật điện  **3. MỘT SỐ VÍ DỤ THAO TÁC GÂY LỖI**  - Chọn cắm sai cổng  - Cắm giắc USB không đúng chiều  - Lắp pin không đúng chiều cho chuột khôn dây hoặc bàn phím không dây  - Lựa chọn sai máy in  - Dịch chuyển màn hình làm cáp màn hình kéo căng, có thể dẫn đến lỏng chỗ tiếp xúc của các giắc cắm kết nối màn hình với máy tính và màn hình với nguồn điện | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv đưa câu hỏi về nhà:

**Câu 1.** Cổng cắm chuột hoặc bàn phím của máy tính để bàn bị gãy một chân cắm nên không thể cắm chuột hoặc bàn phím có dây. Làm thế nào để có thể tiếp tục sử dụng được máy tính?

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài A15; A16; A17 trang 7 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 13 /9 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 8 /9 /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

Tuần 4

**Tiết 4: BÀI 4. MỘT SỐ CHỨC NĂNG CỦA HỆ ĐIỀU HÀNH**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết được hệ điều hành là một phần mềm đặc biệt, làm những việc khác với phần mềm ứng dụng

- Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.

- Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng.

- Biết được các biện pháp cơ bản cần thực hiện để bảo vệ an toàn dữ liệu.

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**(5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

Hệ điều hành là một loại phần mềm đặc biệt. Tên gọi đó gợi cho em điều gì về chức năng của loại phần mềm này?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu hệ điều hành khởi động và kiểm soát mọi hoạt động của máy tính

**- Mục Tiêu:** Biết hệ điều hành khởi động và kiểm soát mọi hoạt động của máy tính

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. HỆ ĐIỀU HÀNH KHỞI ĐỘNG VÀ KIỂM SOÁT MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA MÁY TÍNH**  - Khi bật máy tính, phải chờ một khoảng thời gian ngắn máy tính mới sẵ sàng làm việc. Trong khoảng thời gian đó, hệ điều hành được nạp từ ổ đĩa cứng lên bộ nhớ trong RAM. Hệ điều hành sẽ kiểm tra các thành phần của hệ thống, đảm bảo chúng sẵn sàng hoạt động.  - Khi tắt máy, phải chờ một khoảng thời gian ngắn máy tính mới ngừng hẳn hoạt động.  - Có nhiều hệ điều hành khác nhau cho máy tính và các thiết bị số: Windows, MaxOS, Linux, …, Android, iOS,…  **Ghi nhớ:**  **-** Hệ điều hành tự động chạy sau khi bật máy tính, khởi động máy tính để sẵn sàng bắt đầu làm việc; kiểm soát mọi hoạt động giao tiếp giữa người dùng và máy tính; thu dọn dữ liệu, kết thúc các chương trình và tắt máy khi nhận lệnh | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  **HĐ1:** Quan sát máy tính từ khi bật đến khi tắt máy, em có nhận xét gì?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌  nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu hệ điều hành quản lí người dùng máy tính, các phần mềm ứng dụng và các tệp dữ liệu

**a) Mục tiêu:** Biết hệ điều hành quản lí người dùng máy tính, các phần mềm ứng dụng và các tệp dữ liệu

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. HỆ ĐIỀU HÀNH QUẢN LÍ NGƯỜI DÙNG MÁY TÍNH:** Hệ điều hành quản lí mỗi người dùng bằng một tài khoản máy tính. Tài khoản máy tính bao gồm tên người dùng và mật khẩu tương ứng.  **3. HỆ ĐIỀU HÀNH QUẢN LÍ CÁC PHẦN MỀM ỨNG DỤNG VÀ CÁC TỆP DỮ LIỆU**  - Hệ điều hành cho phép cập nhật phần mềm ứng dụng lên phiên bản mới hơn, thực hiện việc cài đặt mới hay gỡ bỏ phần mềm ứng dụng.  - Toàn bộ các phần mềm ứng dụng có trong máy tính sẽ hiển thị trong nút Start  - Mở cửa sổ của trình quản lí hệ thống trên thanh Taskbar có biểu tượng File Explorer | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Em hãy kể tên một số biểu tượng thường thấy trên màn hình nền máy tính và cho biết đó có phải là phần mềm ứng dụng không?  **HS:** Thảo luận, thực hành  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Tìm hiểu hệ điều hành hỗ trợ an toàn dữ liệu

**a) Mục tiêu:** Biết hệ điều hành hỗ trợ an toàn dữ liệu

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **4. HỆ ĐIỀU HÀNH HỖ TRỢ AN TOÀN DỮ LIỆU**  ***a) Phòng chống virus***  - Các hệ điều hành nói chung đều có hỗ trợ phòng chống virus. Ví dụ: Windows 10 có trung tâm an ninh Windows Defender với tính năng phòng chống virus (Antivirus)  - Cài thêm phần mềm phòng chống virus như: Avast Free Antivirus, …  ***b) Sao lưu dự phòng***  - Hệ điều hành cho phép thiết lập một chiến lược sao lưu dự phòng định kì thường xuyên và thực hiện khôi phục lại khi có sự cố | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Em có biết hệ điều hành hỗ trợ an toàn dữ liệu bằng cách nào không?  **HS:** Thảo luận, thực hành  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

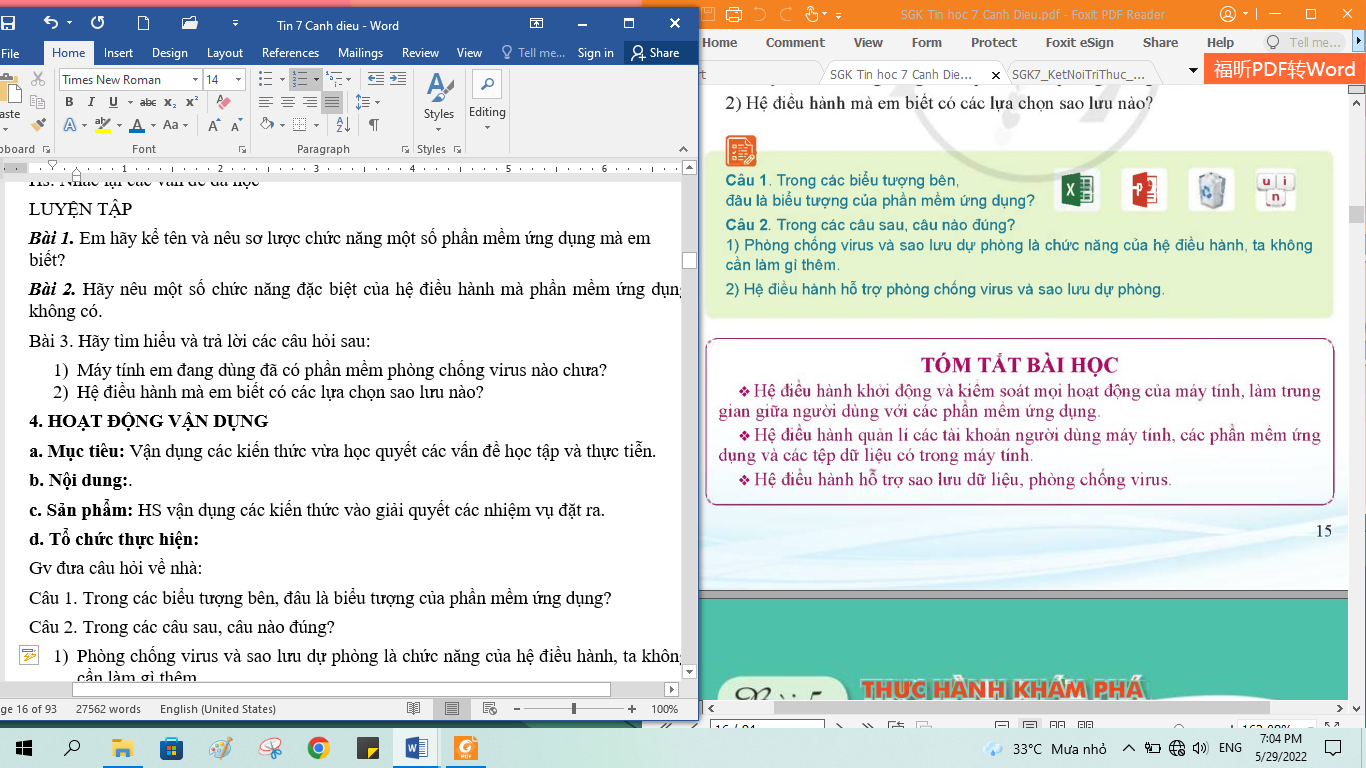
**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** ( 10 phút).

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Em hãy kể tên và nêu sơ lược chức năng một số phần mềm ứng dụng mà em biết?

***Bài 2.*** Hãy nêu một số chức năng đặc biệt của hệ điều hành mà phần mềm ứng dụng không có.

***Bài 3.*** Hãy tìm hiểu và trả lời các câu hỏi sau:

1. Máy tính em đang dùng đã có phần mềm phòng chống virus nào chưa?
2. Hệ điều hành mà em biết có các lựa chọn sao lưu nào?

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút).

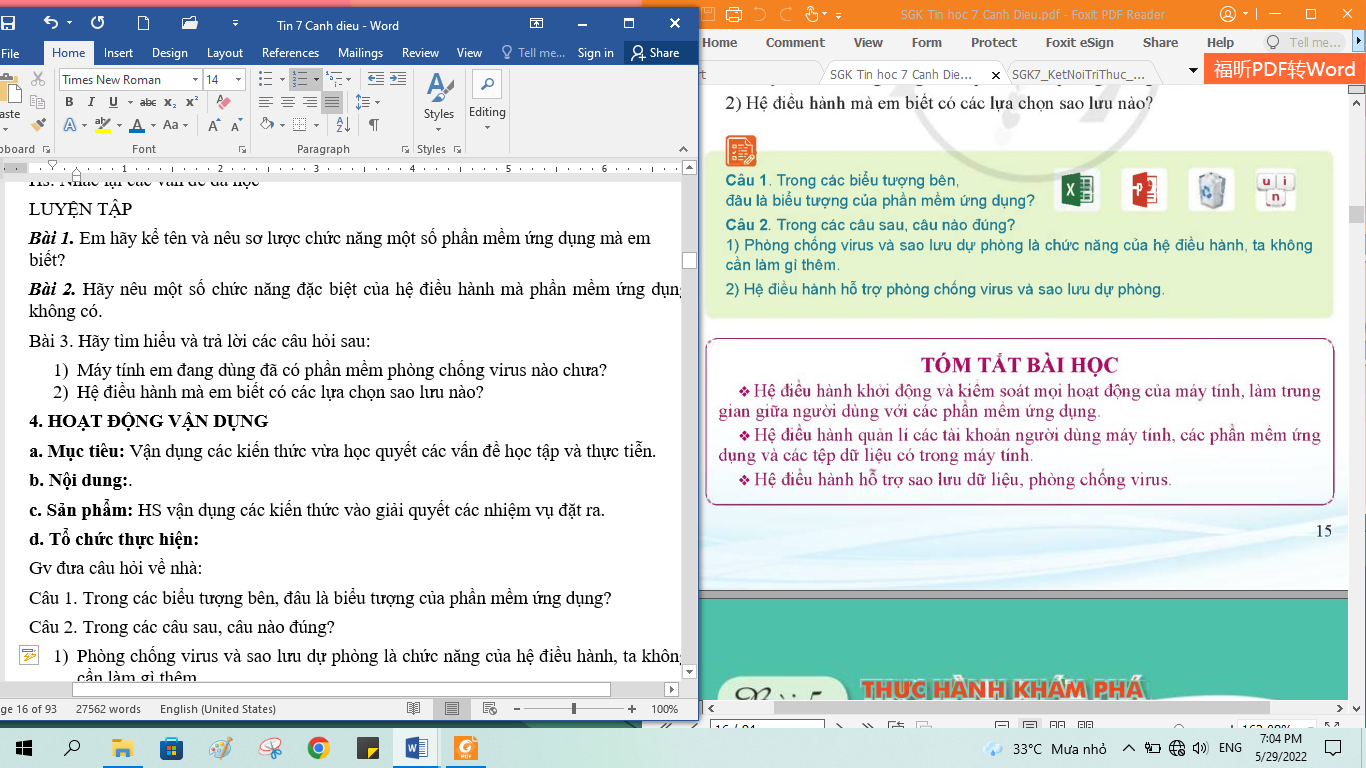
**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv đưa câu hỏi về nhà:

*Câu 1.* Trong các biểu tượng bên, đâu là biểu tượng của phần mềm ứng dụng?



*Câu 2.* Trong các câu sau, câu nào đúng?

1)Phòng chống virus và sao lưu dự phòng là chức năng của hệ điều hành, ta không cần làm gì thêm.

2)Hệ điều hành hỗ trợ phòng chống virus và sao lưu dự phòng

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài A20; A21; A22; A23; A24 trang 8 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt:20 /9 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 17 / 9/2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

Tuần 5

**Tiết 5:BÀI 5 .THỰC HÀNH KHÁM PHÁ TRÌNH QUẢN LÍ HỆ THỐNG TỆP**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết được trình quản lí hệ thống tệp là gì và những chức năng chính của nó

- Hiểu được ý nghĩa quan trọng của phần mở rộng trong tên tệp

- Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, được lưu trữ trong máy tính như mọi tệp khác.

- Thao tác được trong cửa sổ làm việc của trình quản lí hệ thống tệp

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

- Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

- Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu của sổ File Explorer

**- Mục Tiêu:** Biết sử dụng của sổ File Explorer

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. CỬA SỔ FILE EXPLORER**  - Trình quản lí hệ thống tệp là File Explorer  - File Explorer có 3 vùng chính: vùng nút lệnh, vùng điều hướng, vùng hiển thị nội dung  - Vùng hiển thị nội dung thường có: tên tệp, tên thư mục; thời điểm sửa đổi gần nhất (Date); kiểu tệp (Type); kích thước (Size); … | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  Trong windows, trình quản lí hệ thống tệp ở đâu?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu ý nghĩa của đuôi tên tệp

**- Mục Tiêu:** Biết ý nghĩa của đuôi tên tệp

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. Ý NGHĨA CỦA ĐUÔI TÊN TỆP**  - Khi sử dụng một phần mềm nào đó, nếu tạo và lưu một tệp thì phần mềm ứng dụng đó sẽ tự động thêm một dấu “.” và một số kí tự vào sau tên tệp. Phần các kí hiệu thêm vào đó được gọi là phần mở rộng của tên tệp (đuôi tên tệp).  - Một số đuôi tên tệp: docx, pdf, txt, xlsx, pptx,…  - Đuôi tên tệp “exe” dàng riêng cho loại tệp là chương trình để máy tính thực hiện  - Đuôi tên tệp giúp hệ điều hành nhận biết tệp thuộc loại nào và xác định các phần mềm ứng dụng có thể mở tệp. Không được tùy tiện sửa đổi đuôi tên tệp. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  Em có biết ý nghĩa của đuôi tên tệp là gì không?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (11 phút).

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Thực hành**

**Bài 1.** Tìm hiểu Quick access

1. Hiển thị nội dung Quick access

* Mở cửa sổ File Explorer
* Hoặc nháy chuột vào mục Quick access trong vùng điều hướng của cửa sổ File Explorer đang mở

1. Quan sát và cho biết thanh tiêu đề hiển thị gì?
2. Quan sát vùng hiển thị nội dung và cho biết có những gì được hiển thị?
3. Rút ra kết luận Quick access để làm gì? Khi nào thì nên dùng nó?

**Bài 2.** Khám phá vùng điều hướng

1. Nháy chuột vào một mục nào đó trong vùng điều hướng; quan sát thanhb tiêu đề, vùng hiển thị nội dung và cho biết tác dụng của thao tác.
2. Trỏ chuột vào một mục nào đó trong vùng điều hướng, nếu có dấu trỏ xuống hay dấu trỏ sang phải cạnh tên mục, hãy nháy chuột vào dấu này và cho biết tác dụng của thao tác.

**Bài 3.** Xem nội dung một thư mục cụ thể

1. Nháy đúp chuột vào biểu tượng một thư mục
2. Quan sát vùng hiển thị nội dung một thư mục và cho biết:

- Tệp nào mới được sửa đổi gần đây nhất? Tệp nào có kích thước lớn nhất?

- Có bao nhiêu tệp văn bản Word?

**Bài 4.** Khám phá cách hiển thị nội dung thư mục bằng cách lựa chọn ở trên dải lệnh View

1)Trỏ chuột vào mỗi lệnh trong nhóm lệnh Layout và cho biết kết quả

2)Nháy chuột chọn (hoặc ỏ chọn) File name extensions trong nhóm lệnh Show/hide và cho biết kết quả

3)Trong nhóm lệnh Current view nháy chuột chọn Sort by và cho biết tên những mục đang được đánh dấu trong danh sách thẻ xuống

4)Nháy chuột để thay đổi đánh dấu sang mục khác, quan sát vùng hiển thị nội dung và cho biết sự thay đổi.

**Bài 5.** Đuôi tên tệp và phần mềm để mở một số kiểu tệp.

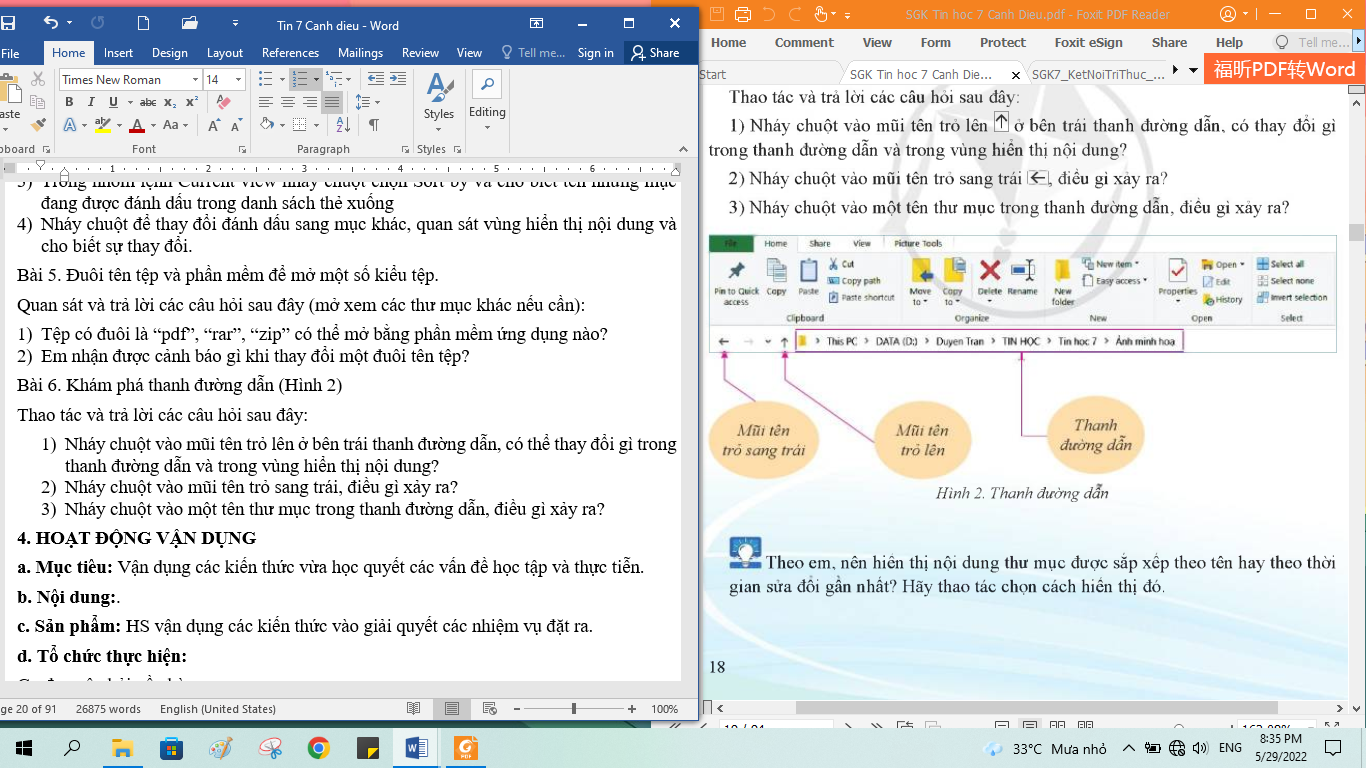
Quan sát và trả lời các câu hỏi sau đây (mở xem các thư mục khác nếu cần):

1. Tệp có đuôi là “pdf”, “rar”, “zip” có thể mở bằng phần mềm ứng dụng nào?
2. Em nhận được cảnh báo gì khi thay đổi một đuôi tên tệp?

**Bài 6.** Khám phá thanh đường dẫn (Hình 2)

Thao tác và trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Nháy chuột vào mũi tên trỏ lên ở bên trái thanh đường dẫn, có thể thay đổi gì trong thanh đường dẫn và trong vùng hiển thị nội dung?
2. Nháy chuột vào mũi tên trỏ sang trái, điều gì xảy ra?
3. Nháy chuột vào một tên thư mục trong thanh đường dẫn, điều gì xảy ra?



**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (9 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Theo em, nên hiển thị nội dung thư mục được sắp xếp theo tên hay theo thời gian sửa đổi gần nhất? Hãy thao tác chọn cách hiển thị đó.

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài A26; A27; A28; A29 trang 9 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 27 / 9 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: / /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

Tuần 6

**Tiết 6: BÀI 6. THỰC HÀNH THAO TÁC VỚI TỆP VÀ THƯ MỤC**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết và sử dụng được một số nút lệnh thường dùng của trình quản lí hệ thống tệp File Explorer

- Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa tệp và thư mục.

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

- Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

- Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh:**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Không

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (30 phút).

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv Cho HS nhắc lại KT:

Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

***Hoạt động :*** Thực hành

**a) Mục tiêu:** Luyện Năng lực cơ bản làm việc với thư mục, tệp

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT**  **-** Hệ điều hành Windows cho phép thao tác linh hoạt theo vài cách khác nhau để nhận được cùng một kết quả. Ví dụ:  + Nháy nút lệnh có sẵn trong cửa sổ làm việc  + Chọn lệnh trong bảng chọn nổi lên khi nháy chuột phải  + Nhấn đồng thời 2 hoặc 3 phím (tổ hợp phím tắt)  **2. THỰC HÀNH**  ***Bài 1.*** Tạo thư mục mới tên là ThuMucMoi trên màn hình nền Desktop và thư mục ThuMucTam nằm trong thư mục Documents    ***Bài 2.*** Sao chép tệp, thư mục  ***Nhiệm vụ 1:*** Sao chép vài tệp (một tệp văn bản bất kì, một tệp ảnh bất kì, …) vào thư mục ThuMucTam  ***Nhiệm vụ 2.*** Sao chép thư mục ThuMucTam vào trong thư mục ThuMucMoi trên màn hình nền.  ***Bài 3.*** Di chuyển tệp, thư mục  ***Nhiệm vụ 1:*** Di chuyển các tệp đang có trong thư mục Documents\ThuMucTam sang ThuMucMoi trên màn hình nền  ***Nhiệm vụ 2.*** Di chuyển ThuMucMoi thành thư mục con của Documents  ***Bài 4.*** Đổi tên tệp, thư mục  ***Nhiệm vụ 1:*** Đổi tên vài tệp đang có trong thư mục Documents\ThuMucMoi, thêm vào cuối tên “\_tam” hoặc tên mới khác tùy ý. Chú ý không thay đổi phần đuôi mở rộng  ***Nhiệm vụ 2.*** Đổi tên ThuMucMoi thành ThuMucXoa  ***Bài 5.*** Xóa tệp, thư mục  ***Nhiệm vụ 1:*** Xóa các tệp trong ThuMucXoa  ***Nhiệm vụ 2.*** Xóa tất cả các thư mục vừa tạo ra trong bài thực hành | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức hoạt động thực hành cho học sinh  **HS:** thực hành trên máy tính  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌  biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv đưa câu hỏi về nhà:

***Bài 1.*** Trong máy tính thường có một số tệp bài hát rải rác nhiều nơi. Hãy tìm và di chuyển tất cả các tệp bài hát ấy tới thư mục Music và tổ chức thành các thư mục con, phân loại theo cách mà em muốn để tiện truy cập.

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài A32; A33; A34; A35 trang 10 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 4 / 10 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 1 /10 /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày /10 /2024. Lớp 7B dạy ngày /10 /2024

Lớp 7C dạy ngày /10 /2024. Lớp 7D dạy ngày /10 /2024

Lớp 7E dạy ngày /10 /2024. Lớp 7G dạy ngày / 10/2024.

**CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN**

**MẠNG XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ KÊNH**

**TRAO ĐỔI THÔNG TIN THÔNG DỤNG TRÊN INTERNET**

Tuần 7

**Tiết 7: BÀI 1. GIỚI THIỆU MẠNG XÃ HỘI** *( Dạy ở Phòng thư viện)*

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó

- Nêu được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội.

- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin.

- Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

- Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

- Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Giáo viên:** Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**:

GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài:

Em đã biết sử dụng những công cụ nào sau đây để trao đổi thông tin trên Internet?

1) Thư điện tử 2) Chat 3) Diễn đàn trực tuyến 4) Mạng xã hội

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu mạng xã hội

**- Mục Tiêu:** Biết thế nào là mạng xã hội, ý nghĩa của mạng xã hội

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. KHÁM PHÁ MẠNG XÃ HỘI**  - Mạng xã hội là một trong những kênh trao đổi thông tin phổ biến nhất hiện nay.  - Một số mạng xã hội hay được dùng hiện nay:.  + Facebook là nơi người dùng thiết lập không gian cá nhân và kết nối với bạn bè, chia sẻ hình ảnh, chia sẻ video, nói về những gì họ đang làm,…  + Instagram cho phép người dùng chụp ảnh trên các thiết bị di động và chia sẻ qua các mạng xã hội.  + Linkedln là một trong những nơi kết nối với đồng nghiệp hiện tại và quá khứ cũng như các nhà tuyển dụng tiềm năng trong tương lai.  + Twitter là một ứng dụng cho phép người dùng đăng và cập nhật các mẩu tin ngắn với độ dài khoảng hơn 200 kí tự trên Internet, là nơi chia sẻ tin tức nhanh đang diễn ra trên khắp thế giới  + Youtube là một website được thiết kế để người dùng có thể chia sẻ video của mình với những người khác  + Ngoài ra còn có Zalo, Zing Me, Gapo, Lotus,…  Mạng xã hội và trách nhiệm người dùng | Tạp chí Tuyên giáo  **Ghi nhớ:**  **-** Mạng xã hội là một ứng dụng web kết nối các thành viên có cùng đặc điểm cá nhân như sở thích, lứa tuổi, nghề nghiệp hay lĩnh vực quan tâm. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  **HĐ1**  1. Ở lớp 6 em đã biết sử dụng cách thức nào để trao đổi thông tin với bạn bè?  2. Em có biết cách trao đổi thông tin nào trên Internet đang được sử dụng nhiều nhất không? Tại sao?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌** ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu đặc điểm của mạng xã hội

**a) Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm của mạng xã hội

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. ĐẶC ĐIỂM CỦA MẠNG XÃ HỘI**  - Mạng xã hội là ứng dụng trên Internet.  - Nội dung trên mạng xã hội là do người dùng tự tạo ra và chia sẻ dưới dạng văn bản, hình ảnh, âm thanh, video. Nội dung được đăng tải lên và được hiển thị ngay lập tức.  - Người dùng tạo ra hồ sơ cá nhân, kết bạn trên mạng xã hội.  - Phát triển cộng đồng trên mạng xã hội bằng cách kết nối tài khoản của người dùng với tài khoản của các cá nhân, tổ chức khác. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Theo em mạng xã hội có đặc điểm gì?    **HS:** Thảo luận, thực hành  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Tìm hiểu chức năng cơ bản của mạng xã hội

**a) Mục tiêu:** Nắm được chức năng cơ bản của mạng xã hội

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3. CHỨC NĂNG CƠ BẢN CỦA MẠNG XÃ HỘI**  - Tạo trang thông tin cá nhân, chia sẻ những ý tưởng của mình, bài viết, hình ảnh, video.  - Thông báo về một số hoạt động, sự kiện trên mạng hay ngoài đời.  - Bình luận, bày tỏ ý kiến đối với nội dung ở các trang của bạn bè.  - Qua Messenger, em còn có thể gửi tin nhắn cho bạn (Hình 2)  - Thực hiện cuộc gọi trực tiếp như gọi điện thoại hay cuộc gọi video | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Em hãy quan sát giáo viên thực hiện một số thao tác trên trang mạng xã hội và cho biết mạng xã hội đã giúp giáo viên làm những gì?    **HS:** Thảo luận, thực hành  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (11 phút).

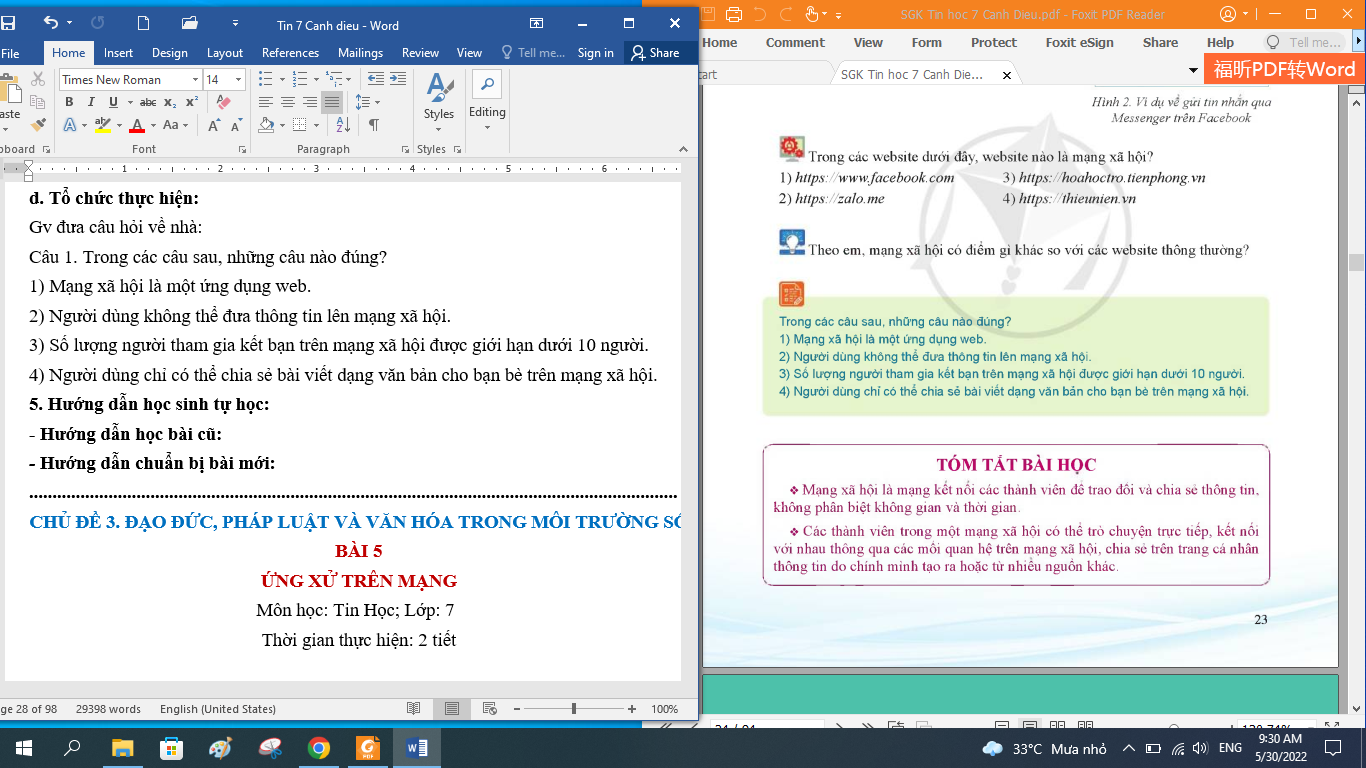
**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Trong các website dưới đây, website nào là mạng xã hội?

1) <https://www.facebook.com> 2) <https://zalo.me>

3) <https://hoahoctro.tienphong.vn> 4) <https://thieunien.vn>

***Bài 2.*** Theo em, mạng xã hội có điểm gì khác so với các website thông thường?

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (9 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Trong các câu sau, những câu nào đúng?

1) Mạng xã hội là một ứng dụng web.

2) Người dùng không thể đưa thông tin lên mạng xã hội.

3) Số lượng người tham gia kết bạn trên mạng xã hội được giới hạn dưới 10 người.

4) Người dùng chỉ có thể chia sẻ bài viết dạng văn bản cho bạn bè trên mạng xã hội.

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài C1; C2 ;C3 trang 11 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 11 / 10 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: / /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

Tuần 8

**Tiết 8: BÀI 2. THỰC HÀNH SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

Tạo được tài khoản và hồ sơ cá nhân, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội.

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Không

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (31 phút).

***Hoạt động 1:*** Giới thiệu mạng xã hội Fecebook

**- Mục Tiêu:** nắm được hoàn cảnh ra đời của mạng xã hội

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. GIỚI THIỆU MẠNG XÃ HỘI**  - Facebook do Mark Zuckerberg tạo ra vào năm 2004, khi ông đang là sinh viên đại học Harvard.  - Hiện nay Facebook là một trong những mạng xã hội phát triển nhanh nhất thế giới.  - Facebook là một website mà mọi người có thể đăng kí và tạo tài khoản miễn phí  - Mọi người có tài khoản Facebook đều có thể kết nối tự nguyện với những người mà mình muốn giao lưu và chia sẻ thông tin. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động **HĐ1**  Em hãy cho biết mạng xã hội do ai sáng lập ra?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **GV:** Tổ chức các hoạt động **HĐ2**  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌  biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** thực hành tạo tài khoản trên mạng xã hội Facebook

**a) Mục tiêu:** Nắm được cách tạo tài khoản trên mạng xã hội Facebook

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. TẠO TÀI KHOẢN TRÊN MẠNG XÃ HỘI FACEBOOK**  **Bài 1.** Tạo tài khoản trên Facebook    **Hướng dẫn:**  Bước 1. Truy cập vào website <https://www.facebook.com>  Bước 2. Nhập các thông tin cá nhân (họ tên, số điện thoại hoặc email, mật khẩu, ngày sinh, giới tính) vào cửa sổ đăng kí và chọn Sign Up | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ2  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**+‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Thực hành tạo hồ sơ trên mạng xã hội Facebook

**a) Mục tiêu:** Nắm được cách tạo hồ sơ trên mạng xã hội Facebook

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3. TẠO HỒ SƠ TRÊN MẠNG XÃ HỘI FACEBOOK**  **Bài 2.** Em hãy tạo hồ sơ cá nhân cho tài khoản Facebook của mình  **Hướng dẫn**  Đăng nhập vào tài khoản Facebook. Tại cửa sổ trang cá nhân thực hiện:  - Cập nhật ảnh đại diện: chọn Update profile picture, chọn tệp ảnh, chọn Save  - Cập nhật ảnh bìa: chọn Add cover phôt, chọn tệp ảnh, chọn Save  - Cập nhật thông tin cá nhân: chọn Edit Profile, thay đổi ảnh bìa, ảnh đại diện, nhập các thông tin cá nhân như nơi ở, sở thích,.. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ  **HS:** thực hành  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**+‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 4:*** Thực hành chia sẻ thông tin lên trang cá nhân

**a) Mục tiêu:** Nắm được cách chia sẻ thông tin lên trang cá nhân

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **4. CHIA SẺ THÔNG TIN LÊN TRANG CÁ NHÂN**  **Bài 3.** Đăng thông tin lên trang cá nhân  Giáo viên yêu cầu mỗi học sinh tìm một bài hát về thầy, cô và mái trường, sau đó chia sẻ trên mạng xã hội  **Hướng dẫn**  *Bước 1.* Vào máy tìm kiếm Google tìm bài hát về chủ đề thầy, cô và mái trường mà mình yêu thích  *Bước 2.* Sao chép địa chỉ trang web chứa bài hát tìm được  *Bước 3.* Mở website <https://www.facebook.com>, đăng nhập tài khoản cá nhân  *Bước 4.* Tại cửa sổ trang cá nhân: Nháy chuột vào ô có dòng chữ What’s on your mind? Xuất hiện cửa sổ Create post để nhập thông tin bài viết, dán địa chỉ trang web đã sao chép ở Bước 2.  *Bước 5.* Nháy chuột chọn Post | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ  **HS:** thực hành  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**+‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (9 phút).

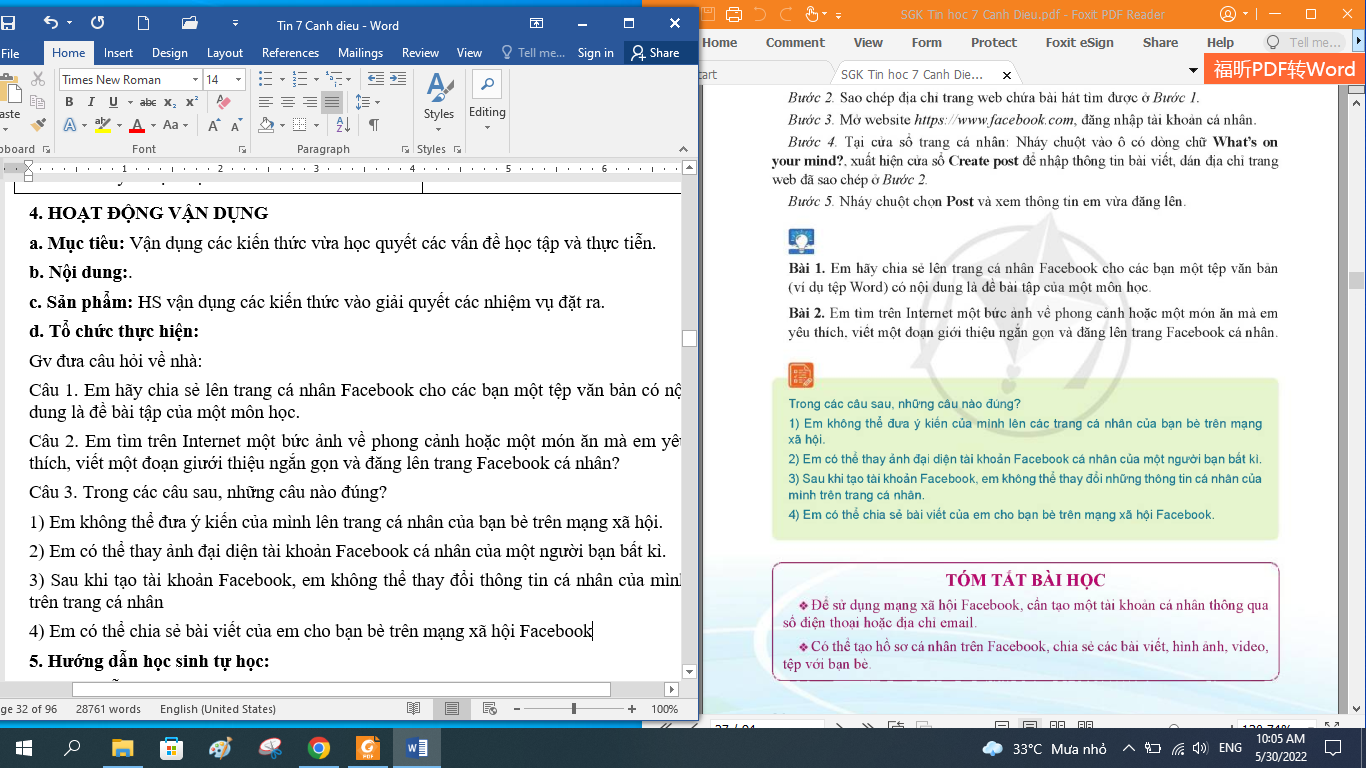
**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV** tóm tắt nội dung bài học



HS nhớ và nhắc lại kiến thức đã học

**Gv** đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Em hãy chia sẻ lên trang cá nhân Facebook cho các bạn một tệp văn bản có nội dung là đề bài tập của một môn học.

Câu 2. Em tìm trên Internet một bức ảnh về phong cảnh hoặc một món ăn mà em yêu thích, viết một đoạn giới thiệu ngắn gọn và đăng lên trang Facebook cá nhân?

Câu 3. Trong các câu sau, những câu nào đúng?

1) Em không thể đưa ý kiến của mình lên trang cá nhân của bạn bè trên mạng xã hội.

2) Em có thể thay ảnh đại diện tài khoản Facebook cá nhân của một người bạn bất kì.

3) Sau khi tạo tài khoản Facebook, em không thể thay đổi thông tin cá nhân của mình trên trang cá nhân

4) Em có thể chia sẻ bài viết của em cho bạn bè trên mạng xã hội Facebook

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài C8; C9; C10 trang 12 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: / /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: / /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

Tuần 9

**Tiết 9: BÀI 3 .TRAO ĐỔI THÔNG TIN TRÊN MẠNG XÃ HỘI**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Thực hành giao lưu, trao đổi thông tin trên mạng xã hội Facebook

- Biết được lợi ích của mạng xã hội, đồng thời nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

Theo em vì sao có nhiều người tham gia mạng xã hội?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu trò chuyện qua Messenger, thực hành trao đổi và chia sẻ thông tin trong nhóm ở Facebook

**- Mục Tiêu:** biết trao đổi và chia sẻ thông tin trong nhóm ở Facebook

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. TRÒ CHUYỆN QUA MESSENGER**  - Trò chuyện qua Messenger là một chức năng cơ bản của Facebook    **2. THỰC HÀNH TRAO ĐỔI VÀ CHIA SẺ THÔNG TIN TRONG NHÓM Ở FACEBOOK**  **Hướng dẫn**  *Bước 1.* Mở website <https://www.facebook.com> và đăng nhập tài khoản cá nhân  *Bước 2.* Tạo nhóm trên Facebook để trao đổi với các thành viên trong nhóm:  - Tại cửa sổ trang Facebook cá nhân, nháy chuột vào + (ở phía trên cửa sổ) và chọn Group (hình 2)  - Chọn và điền các thông tin vào cột bên trái cửa sổ Create group (hình 3)  + Nhập tên nhóm vào ô Group name  + Chọn nhóm công khai (Public) hoặc riêng tư (Private) tại ô Choose privacy  + Mời thành viên tham gia nhóm: nháy chuột vào ô Invite friends, gõ tên tài khoản Facebook hoặc địa chỉ email của thành viên  + Chọn Create      *Bước 3.* Đưa nội dung thông tin cần trao đổi | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động **HĐ1**  Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3 học sinh thực hiện tìm hiểu và thảo luận về chủ đề “Những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến cuộc sống và môi trường. Em đã làm gì để chống lại biến đổi khí hậu?”  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu lợi ích của mạng xã hội và hậu quả của sự thiếu hiểu biết trong sử dụng thông tin trên mạng xã hội

**a) Mục tiêu:** Nắm được lợi ích của mạng xã hội và hậu quả của sự thiếu hiểu biết trong sử dụng thông tin trên mạng xã hội

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3. LỢI ÍCH CỦA MẠNG XÃ HỘI**  - Mạng xã hội giúp ta có cơ hội kết nối với mọi người trên thế giới.  - Khi có người bình luận, thích thông tin mình chia sẻ, sẽ tạo ra niềm vui  - Sử dụng mạng xã hội dễ dàng trao đổi, thảo luận về các chủ đề học tập và cuộc sống  - Trên mạng xã hội ta có thể biết thêm một số thông tin  **4. HẬU QUẢ CỦA SỰ THIẾU HIỂU BIẾT TRONG SỬ DỤNG THÔNG TIN TRÊN MẠNG XÃ HỘI**  - Nhiều thông tin không đáng tin cậy, không được kiểm soát chặt chẽ, lan truyền một cách nhanh chóng trên mạng xã hội đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng: nhiều em nhỏ bắt chước video bạo lực,…  - Thông tin cá nhân trên mạng có thể bị sử dụng với mục đích xấu, vi phạm quyền riêng tư: gọi điện tống tiền, đe dọa, quảng cáo…  - Một số học sinh bị bắt nạt qua mạng, bị áp lực từ những bình luận tiêu cực dẫn đến lo lắng, căng thẳng, trầm cảm.  - Một số học sinh tụ tập đua xe hay làm việc xấu do bị rủ trên mạng xã hội.  - Giao tiếp trực tuyến, sống ảo, dẫn đến sự xa rời giữa người với người trong thế giới thực. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ2  ? Theo em, mạng xã hội có những lợi ích gì khi sử dụng.  ? Nếu một người thiếu hiểu biết khi sử dụng thông tin trên mạng thì điều gì sẽ xảy ra?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **HS:** Lấy các ví dụ trong thực tế.  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (11 phút).

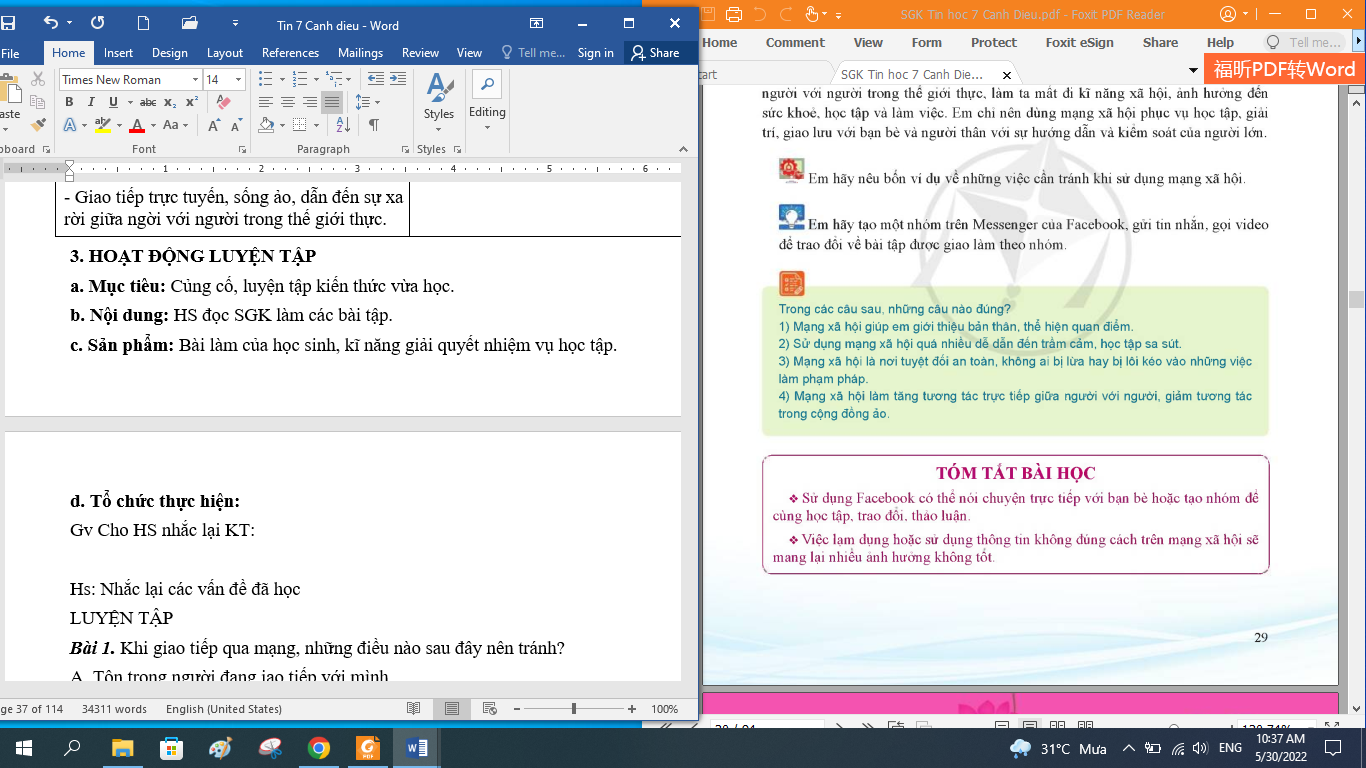
**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Em hãy nêu 4 ví dụ về những việc làm cần tránh khi sử dụng mạng xã hội.

***Bài 2.*** Em hãy tạo một nhóm trên Messenger của Facebook, gửi tin nhắn, gọi video để trao đổi về bài tập được giao làm theo nhóm

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (9 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Trong các câu sau, những câu nào đúng?

1) Mạng xã hội giúp em giới thiệu bản thân, thể hiện quan điểm

2) Sử dụng mạng xã hội quá nhiều dễ dẫn đến trầm cảm, học tập sa sút

3) Mạng xã hội là nơi tuyệt đối an toàn, không ai bị lừa hay bị lôi kéo vào những việc làm phạm pháp.

4) Mạng xã hội làm tăng tương tác trực tiếp giữa người với người, giảm tương tác trong cộng đồng ảo.

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài C11; C12; C13 trang 13 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Ôn lại các kiến thức đã học để làm bài kiểm tra giữa kỳ I

**Ký duyệt: 25 / 10 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 22 / 10 /2024

Ngày kiểm tra: Lớp 7A kiểm tra ngày / /2024.Lớp 7B kiểm tra ngày / /2024

Lớp 7C kiểm tra ngày / /2024. Lớp 7D kiểm tra ngày / /2024

Lớp 7E kiểm tra ngày / /2024. Lớp 7G kiểm tra ngày / /2024.

Tuần 10

**Tiết 10:**  **KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**I. Xác định mục tiêu:**

***1.******Kiến thức:***

- Giúp học sinh hệ thống lại kiến thức của chủ đề A,C.

- Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh sau khi học xong nửa học kì I năm học **2024- 2025** để từ đó có phương pháp uốn nắn kịp thời ở cuối học kì I của năm học. Cụ thể, kiểm tra về:

+ Chủ đề A: Máy tính và cộng đồng

+ Chủ đề C: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.

***2.Năng lực:*** Giúp HS hình thành và phát triển

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự giác, tích cực, tự mình hoàn thành nội dung bài kiểm tra để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh vận dụng linh hoạt kiến thức đã học để làm đề.

- Năng lựcsử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; Ứng xử phù hợp trong môi trường số **(Nla và NLb)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Năng lựchệ thống lại kiến thức đã học; Giải quyết *Tỉ lệ %* | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |

***II. Xây dựng đề kiểm tra:***

. 1.Ma trận

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TIN HỌC – LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| **1** | **Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng**  **( 65%)** | - Sơ lược về các thành phần của máy tính. | 5  (1,25 đ) |  | 4  (1 đ) |  |  |  |  |  | 9 câu  22,5%  2,25 điểm |
| - Khái niệm hệ điều hành và phần mềm ứng dụng. | 5  (1,25 đ) |  | 4  (1 đ) |  |  | 1  (2 đ) |  |  | 10 câu  42,5%  4,25 điểm |
| **2** | **Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin**  **(35%)** | - Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet | 6  (1,5 đ) |  | 4  (1 đ) |  |  |  |  | 1  (1 đ) | 11 câu  35%  3,5 điểm |
| **Tổng** | | | **16**  **( 4 đ)** |  | **12**  **(3đ)** |  |  | **1**  **(2đ)** |  | **1**  **(1 đ)** | **30**  **(10 đ)** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100** |

**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TIN HỌC LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng | 1. Sơ lược về các thành phần của máy tính | **Nhận biết**  – Biết được các thiết bị vào ra và chức năng của chúng. (**Câu 1,2,3,4,5)**  **Thông hiểu**  – Hiểu cách thao tác các thiết bị. (**Câu 6,7,8,9)** | 5TN | 4 TN |  |  |
| 2. Khái niệm hệ điều hành và phần mềm ứng dụng | **Nhận biết**  – Biết khái niệm hệ điều hành và phần mềm ứng dụng. **(Câu 10,11)**  – Kể được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng (Phần mềm luyện gõ phím, Word, Paint, …..) **(Câu 12,13)**  – Biết được một số biện pháp để bảo vệ máy tính cá nhân, tài khoản và dữ liệu cá nhận. (Cài mật khẩu máy tính, đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc, sao lưu dữ liệu, quét virus…) **(Câu 14)**  **Thông hiểu**  – Giải thích được chức năng điều khiển của hệ điều hành, qua đó phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng. **(câu 15,16)**  – Phân biệt được loại tệp thông qua phần mở rộng. **(câu 17,18)**  **Vận dụng**  – Thao tác thành thạo với tệp và thư mục. **(câu 29)** | 2TN  2TN  1TN | 2TN  2TN | 1TL |  |
| **3** | Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin | Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet | **Nhận biết**  – Nhận biết một số website là mạng xã hội (Facebook, YouTube, Zalo, Instagram …) **(Câu 19,20)**  – Kể được tên kênh và thông tin trao đổi chính trên kênh đó. **(Câu 21,22)**  – Biết được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội: kết nối, giao lưu, chia sẻ, thảo luận và trao đổi thông tin… **(Câu 23,24)**  **Thông hiểu**  – Hiểu được hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái. **(Câu 25,26,27,28)**  **Vận dụng**  – Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin: tạo tài khoản, hồ sơ trực tuyến, kết nối với bạn cùng lớp, chia sẻ tài liệu học tập, tạo nhóm trao đổi …. **( câu 30)** | 2TN  2TN  2TN | 4TN |  | 1TL |
| Tổng | | |  | **16 TN** | **12 TN** | **1TL** | **1 TL** |
| *Tỉ lệ %* | | |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| Tỉ lệ chung | | |  | **70%** | | **30%** | |

2. Đề bài kiểm tra

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) *Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất***

**Câu 1: Em hãy cho biết các thiết bị sau đây là thiết bị vào - ra**?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. CPU** | **B. Chip** | **C. Ram** | **D. Máy in** |

**Câu 2: Các thiết bị sau đây thiết bị nào xuất dữ liệu âm thanh từ máy tính ra**?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. Máy ảnh** | **B. Micro** | **C. Màn hình** | **D. Loa** |

**Câu 3: Em hãy cho biết máy ảnh nhập dữ liệu dạng nào vào máy tính**?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. Con số** | **B. Văn bản** | **C. Hình ảnh** | **D. Âm thanh** |

**Câu 4:** Chức năng của micro đối với máy tính là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thu nhận thông tin | B. Xử lý thông tin |
| C. Lưu trữ thông tin | D. Truyền thông tin |

**Câu 5:** Máy chiếu là thiết bị thông tin dạng nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Thiết bị vào** | **B. Thiết bị ra** |
| **C. Thuộc cả 2 dạng thông tin vào và ra** | **D. Thiết bị lưu trữ** |

**Câu 6:** Khi đang gọi điện thoại video cho bạn, em không nghe thấy tiếng, nhưng vẫn thấy hình bạn đang nói. Em chọn phương án nào sau đây để giải quyết vấn đề?

A. Bật loa của mình và nhắc bạn bật micro.

B. Bật micro của mình và nhắc bạn bật micro.

C. Bật micro của mình và nhắc bạn bật loa.

D. Bật loa của mình và nhắc bạn bật loa.

**Câu 7:** Vai trò của thiết bị ra là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Để xử lý thông tin. | B. Truyền thông tin ra thế giới bên ngoài. |
| C. Để tiếp nhận thông tin vào. | D. Thực hiện truyền thông tin giữa các bộ phận. |

**Câu 8:** Trong hoạt động chụp và in ảnh, dữ liệu đi qua các thiết bị theo thứ tự nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Máy ảnh 🡪 Màn hình 🡪 Máy tính. | B. Máy ảnh 🡪 Màn tính 🡪 Máy in |
| C. Màn hình 🡪 Máy tính 🡪 Máy in. | D. Màn hình 🡪 Máy in 🡪 Máy tính. |

**Câu 9:** Vai trò của thiết bị vào là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Để xử lý thông tin. | B. Truyền thông tin ra thế giới bên ngoài. |
| C. Để tiếp nhận thông tin vào. | D. Thực hiện truyền thông tin giữa các bộ phận. |

**Câu 10:** Phần mềm nào sau đây **KHÔNG** là một hệ điều hành?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Windows Explorer** | **C.**Windows 7 |
| B. Windows 10. | D. Windows Phone. |

**Câu 11:** Phương án nào sau đây là những ví dụ về hệ điều hành?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint. | C. Writer, Calc, lmpress. |
| B. Google Docs, Google Sheets, Google Slides. | **D. Windows, Linux, iOS.** |

**Câu 12: Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word) là?**

**A. Phần mềm hệ thống B. Phần mềm công cụ**

**C. Phần mềm tiện ích D. Phần mềm ứng dụng**

**Câu 13: Phần mềm diệt virus là?**

**A. Phần mềm hệ thống B. Phần mềm công cụ**

**C. Phần mềm ứng dụng D. Phần mềm tiện ích**

**Câu 14:**Để bảo vệ dữ liệu em có thể sử dụng các cách nào sau đây?

A. Sao lưu dữ liệu ở bộ nhớ ngoài (ổ cứng ngoài, USB, thẻ nhớ,...) hoặc lưu trữ trên Internet nhờ công nghệ đám mây.

B. Cài đặt chương trình phòng chống virus.

C. Đặt mật khẩu mạnh để truy cập vào máy tính hoặc tài khoản trên mạng.

**D. Cả A, B, C.**

**Câu 15:** Chức năng nào sau đây không phải của hệ điều hành?

A. Quản lí các tệp dữ liệu trên đĩa.

**B. Tạo và chỉnh sửa nội dung một tệp hình ảnh.**

C. Điều khiển các thiết bị vào - ra.

D. Quản lí giao diện giữa người sử dụng và máy tính.

**Câu 16:**Việc nào sau đây là chức năng của phần mềm ứng dụng?

A. Tải tệp phông chữ từ Internet xuống thư mục Download của máy tính.

B. Sao chép tệp phông chữ từ thư mục Ï2ownload sang thư mục Fonfs.

C. Xoá tệp phông chữ khỏi thư mục Download của máy tính.

**D. Thay đổi phông chữ cho một đoạn văn bản từ Times New Roman sang Arial.**

**Câu 17.** Tệp có phần mở rộng .exe thuộc loại tệp gì?

A. Không có loại tệp này. B. Tệp chương trình máy tính.

C. Tệp dữ liệu của phần mềm Microsoft Word. D. Tệp dữ liệu video.

**Câu 18:** Em hãy chỉ ra các phần mềm ứng dụng trong các phương án sau?

A. Linux B. Zalo C. Windows 8 D.avi

**Câu 19: Mục đích của mạng xã hội là gì?**

**A. Chia sẻ, học tập, B. Chia sẻ, học tập, tương tác.**

**C. Chia sẻ, học tập, tiếp thị. D. Chia sẻ, học tập, tương tác, tiếp thị.**

**Câu 20:** Em hãy cho biết ngoài FB thì những trang web nào sau đây cũng là mạng xã hội? A. Zalo. B. Dantri. C. vietnamnet.vn D. Hoahoctro.

**Câu 21: Mạng xã hội nào cho phép người sử dụng tạo hồ sơ cá nhân kết nối bạn bè. Người sử dụng có thể chia sẻ suy nghĩ, ý kiến cá nhân cũng như hình ảnh âm nhạc, video?**

A. Fecebook B. Youtube C. Scratch D.Mario

**Câu 22: Em nên chia sẻ những thông tin gì với bạn bè trên Facebook ?**

**A. Các thông tin liên quan tới học tập, các nguồn tài liệu tham khảo hay cho các môn học**

**B. Các thông tin đang được rất nhiều người chia sẻ trên mạng mà chưa cần biết đúng hay sai**

**C. Các thông tin về thần tượng của giới trẻ hiện nay.**

**D. Các thông tin đời tư của thầy cô giáo và một số bạn học sinh nổi tiếng trong trường**

**Câu 23: Không nên dùng mạng xã hội cho mục đích nào sau đây?**

**A. Giao lưu với bạn bè. B. Học hỏi kiến thức.**

**C. Bình luận xấu về người khác. D. Chia sẻ các hình ảnh phù hợp của mình.**

**Câu 24:**  Hãy chọn câu **KHÔNG** đúng khi nói về mạng xã hội Facebook (FB) hiện nay?

**A.**  Sử dụng mạn xã hội FB quá nhiều dẫn đến học hành sa sút.

**B.**  Em không thể đưa ý kiến của mình lên các trang cá nhân của bạn bè trên mạng xã hội.

**C.**  Mạng xã hội FB là công cụ giúp cập nhật, chia sẻ các thông tin, hình ảnh cá nhân.

**D.**  Mạng xã hội FB là nơi tuyệt đối an toàn.

**Câu 25: Chọn phương án SAI. *Ưu điểm của mạng xã hội là:***

**A. Giúp người sử dụng kết nối với người thân, bạn bè.**

**B. Hỗ trợ người sử dụng giảng dạy và học tập.**

**C. Tăng khả năng giao tiếp trực tiếp.**

**D. Là nguồn cung cấp thông tin và cập nhật thông tin nhanh chóng, hiệu quả.**

**Câu 26:** Các thành viên trên mạng xã hội có thể:

A.Trò chuyện trực tiếp.

B.Kết nối với nhau thông qua các mối quan hệ trên mạng xã hội.

C.Chia sẻ trên trang cá nhân thông tin do chính mình tạo ra hặc từ nhiều nguồn khác.

D.Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 27: Muốn sử dụng Internet an toàn và hiệu quả, cũng như tránh những tác hại thì em phải làm gì?**

**A. Hạn chế sử dụng Internet vào những công việc vô ích như chơi game, xem phim hay theo dõi các chương trình truyền hình. Việc này không những làm mất thời gian mà còn gây ảnh hưởng đến thần kinh và mắt của học sinh**

**B. Rèn luyện kĩ năng tìm kiếm hiệu quả nguồn dữ liệu trên Internet và tham gia các nhóm học tập tích cực, tiến bộ để tránh bị lôi kéo vào các cuộc bàn luận vô bổ.**

**C. Nên truy cập những trang web có nội dung bạo lực, đồi trụy, phản động. Cần có chính kiến rõ ràng để không bị lôi kéo bởi các nhóm, tổ chức không minh bạch để tránh bị lợi dụng**

**Câu 28:** Em hãy cho biết câu nào sau đây là **đúng**?

**A.**  Việc sỉ nhục bôi nhọ người khác trên mạng, đưa tin bài sai sự thật, công bố ảnh hoặc thông tin cá nhân của người khác mà không được sự đồng ý của họ đều là hành vi phạm pháp.

**B.**  Có thể hùa theo ý kiến của số đông để phê bình công kích, không cần chú ý ngôn từ hay hậu quả vì đây là thế giới ảo, không sợ ai biết tên thất của mình.

**C.**  Thực hiện những hành vi nông nổi chỉ để thu hút nhiều lượt người xem trên mạng.

**D.**  Nên công kích một người vì người đó không giống với số đông còn lại.

1. **TỰ LUẬN (3 đ)**

**Câu 29.** (2đ) [Máy tính của em có nhiều dữ liệu quan trọng. Em muốn bảo vệ dữ liệu trong máy tính của mình thì:](https://vietjack.com/tin-hoc-7-kn/cau-hoi-trang-14-tin-hoc-lop-7-kntt.jsp)

a) Em sẽ chọn cách bảo vệ dữ liệu nào?

b) Tại sao em chọn cách đó?

**Câu 30** (1đ). **Nêu lợi ích, tác hại của mạng xã hội?**

------------------------ HẾT--------------------------

III. Hướng dẫn chấm

**A.Lý thuyết (7đ): 0,25đ/câu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **Đáp án** | **D** | **D** | **C** | **A** | **B** | **A** | **B** | **B** | **C** | **A** | **D** | **D** | **C** | **D** |
| **Câu** | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| **Đáp án** | **B** | **D** | **B** | **B** | **D** | **A** | **A** | **A** | **C** | **D** | **B** | **D** | **B** | **A** |

**B.Tự luận: 3đ**

**Câu 29:**

a) Để bảo vệ dữ liệu em thực hiện: Sao lưu dữ liệu, đặt mật khẩu cho tài khoản của mình trên máy tính, cài phần mềm chống virus và cho phần mềm hoạt động thường xuyên. (0,5đ)

b) Em chọn cách đó vì:

- Sao lưu dữ liệu là tạo ra bản sao các tệp và thư mục rồi lưu chúng lên một thiết bị lưu trữ hoặc đám mây. Thiết bị lưu trữ đó cho phép em khôi phục lại dữ liệu (0,5đ)

- Đặt mật khẩu để bảo vệ dữ liệu, tránh bị người khác truy cập trái phép. (0,5)

- Phần mềm chống virus được thiết kế để phát hiện và diệt virus; phát hiện và chặn các cuộc tấn công từ phần mềm độc hại (0,5)

**Câu 30:**

**Lợi ích của mạng xã hội (0,5đ):**

- Giúp người dùng kết nối với mọi người trên thế giới.

- Người dùng tương tác với nhau một cách nhanh chóng, tạo niềm vui.

- Dễ dàng trao đổi, thảo luận về các chủ đề học tập và thông tin cuộc sống.

**Tác hại của mạng xã hội (0,5đ):**

- Một số thông tin trên mạng không đáng tin cậy.

- Thông tin cá nhân có thể bị sử dụng với mục đích xấu, vi phạm quyền riêng tư.

- Tốn thời gian của người dùng, ảnh hưởng tới sức khỏe.

**Ký duyệt: 1 /11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 3 /11 /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / 11/2024. Lớp 7B dạy ngày / 11/2024

Lớp 7C dạy ngày /11 /2024. Lớp 7D dạy ngày /11 /2024

Lớp 7E dạy ngày /11 /2024. Lớp 7G dạy ngày /11 /2024.

**CHỦ ĐỀ D. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ. VĂN HÓA ỨNG XỬ QUA PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG SỐ**

Tuần 11

**Tiết 11: BÀI 1 .ỨNG XỬ CÓ VĂN HÓA KHI GIAO TIẾP QUA MẠNG**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Thực hiện được giao tiếp qua mạng (trực tuyến hay không trực tuyến) theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hóa.

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài:

Theo em, mỗi người khi giao tiếp qua mạng có thể hiện văn hóa ứng xử của mình hay không?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu ứng xử có văn hóa ở nơi công cộng

**- Mục Tiêu:** Biết cách giao tiếp, ứng xử có văn hóa ở nơi công cộng

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. ỨNG XỬ CÓ VĂN HÓA Ở NƠI CÔNG CỘNG**  ***Lời khuyên 1. Tôn trọng những người xung quanh***  - Khi đang giao tiếp với ai đó thì phải nhìn vào mắt người nói chuyện thể hiện sự tôn trọng.  - Khi đang ở cùng người thân, thầy cô, bạn bè mà nhận cuộc gọi thoại, chat hay tin nhắn và muốn trả lời ngay, hãy nói lời xin lỗi  - Không làm phiền người xung quanh ở nơi công cộng. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động **HĐ1**  Hãy kể những gì em cho là thiếu văn hóa khi ở nơi công cộng:   * Về ngôn từ, nói và viết * Về quần áo, vẻ ngoài * Về thái độ, hành vi   **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌  biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu ***ứng xử có văn hóa trên mạng xã hội***

**a) Mục tiêu:** Biết cách ***ứng xử có văn hóa trên mạng xã hội***

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. ỨNG XỬ CÓ VĂN HÓA TRÊN MẠNG XÃ HỘI**  ***Lời khuyên 2. Giữ gìn hình ảnh bản thân trên không gian mạng***   * Trên mạng không phải “lời nói gió bay”, những gì đưa lên mạng sẽ rất khó thu hồi được.   ***Lời khuyên 3. Hãy tử tế với người khác trên không gian mạng***  - Không nói những lời thô lỗ, thiếu văn hóa, không xúc phạm người khác  - Không “bêu xấu” hình ảnh của người khác | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ2  Theo em, quy tắc ứng xử trên mạng có giống quy tắc ứng xử nơi công cộng không? Vì sao?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **HS:** Lấy các ví dụ trong thực tế.  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌  biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Tìm hiểu ***ứng xử có văn hóa khi dùng email, tin nhắn***

**a) Mục tiêu:** *biết ứng xử có văn hóa khi dùng email, tin nhắn*

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3. ỨNG XỬ CÓ VĂN HÓA KHI DÙNG EMAIL, TIN NHẮN**  **Lời khuyên 4. Tôn trọng quyền riêng tư của người khác:** Bạn tin tưởng em nên chia sẻ nhiều chuyện riêng tư. Em không nên chuyển tiếp email, tin nhắn, cuộc trò chuyện,… khi chưa được sự đồng ý của bạn.  **Lời khuyên 5. Hãy lịch sự sớm trả lời email, tin nhắn**  - Nếu đã kết bạn qua mạng hay cho ai đó thông tin để liên lạc với mình, hãy lịch sự trả lời một cách nhanh chóng mỗi khi nhận tin nhắn gửi tới đích danh em.  - Nếu không thể sớm trả lời, hãy báo đã nhận và hẹn trả lời sau, đừng bỏ đó qua lâu. Nếu không muốn trả lời, nên gửi email từ chối nhã nhặn. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ4: Trả lời các câu hỏi sau:   1. Khi nào thì nên dùng email, tin nhắn mà không viết lên trang mạng? 2. Thế nào là phép lịch sự khi trao đổi email, tin nhắn? 3. Em đã từng có những trải nghiệm đáng nhớ khi dùng email, tin nhắn hay chưa?   **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌  biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌**\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

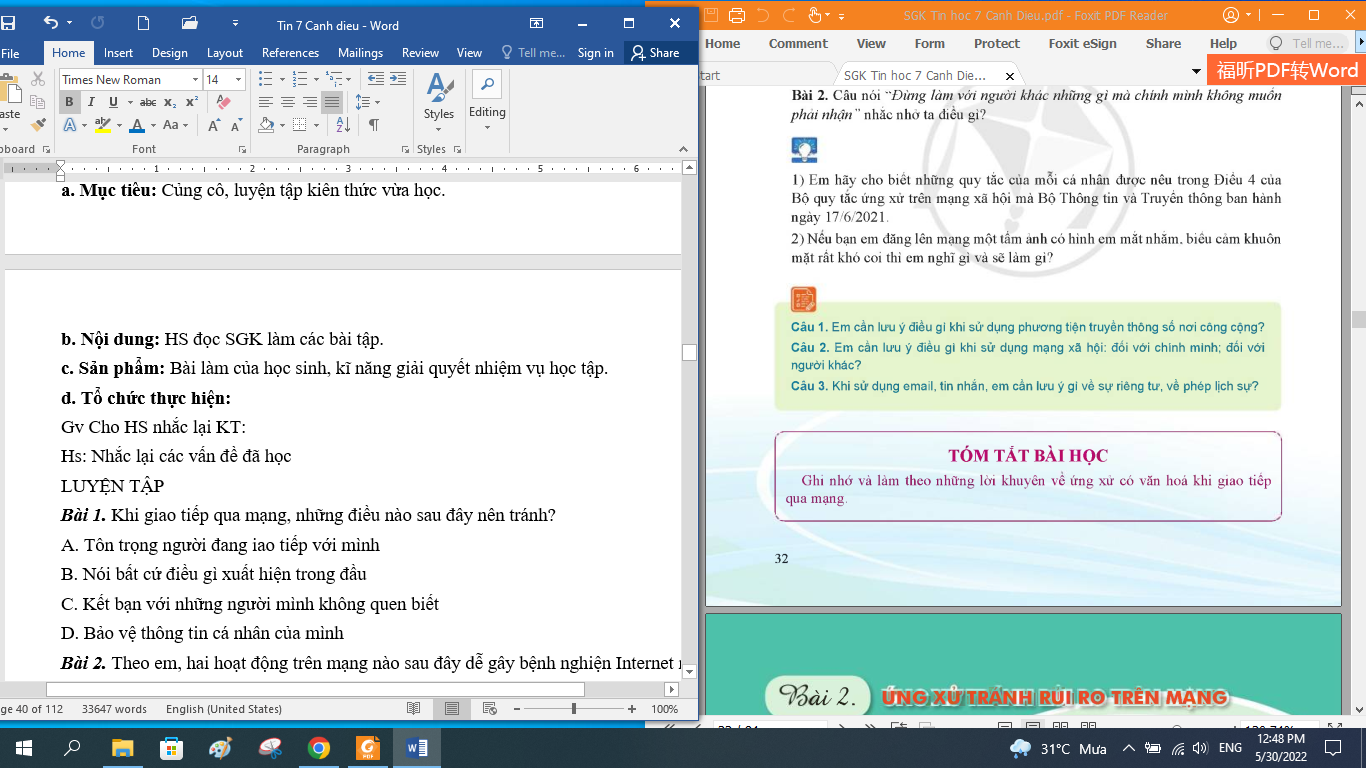
**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (11 phút).

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Tại sao nói “Quy tắc ứng xử trên mạng cũng như quy tắc ứng xử nơi công cộng”?

***Bài 2.*** Câu nói “Đừng làm với người khác những gì mà chính mình không muốn phải nhận” nhắc nhở ta điều gì?

Bài 3. Em hãy hco biết những quy tắc của mỗi cá nhân được nêu trong Điều 4 của Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội mà Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 17/6/2021

Bài 4. Nếu bạn em đăng lên mạng một tấm ảnh có hình em mắt nhắm, biểu cảm khuôn mặt rất khó coi thì em nghĩ gì và sẽ làm gì?

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (9 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Em cần lưu ý điều gì khi sử dụng phương tiện truyền thông số nơi công cộng?

Câu 2. Em cần lưu ý điều gì khi sử dụng mạng xã hội: đối với chính mình; đối với người khác?

Câu 3. Khi sử dụng email, tin nhắn, em cần lưu ý gì về sự riêng tư, về phép lịch sự?

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài D2; D3; D4 trang 15 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 8 / 11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 4 /11 /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

Tuần 12

**Tiết 12: BÀI 2 .ỨNG XỬ TRÁNH RỦI RO TRÊN MẠNG**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết được tác hại của bệnh nghiệm Internet, từ đó có ý thức phòng tránh

- Ứng xử hợp lí khi gặp trên mạng hoặc trên các kênh thông tin số những thông tin có nội dung xấu, thông tin không phù hợp lứa tuổi

- Biết nhờ nười lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết, chẳng hạn khi bị bắt nạt trên mạng

- Nêu được một số ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin và kênh truyền thông tin.

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

Em hãy trả lời hai câu hỏi sau:

1. Nghiện game, nghiện mạng xã hội có thể dẫn đến hậu quả gì?
2. Em tự đánh giá mình có nguy cơ bị nghiệm game, nghiện mạng xã hội không?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu phòng tránh tác hại của Internet và mạng xã hội

**- Mục Tiêu:** Biết cáchphòng tránh tác hại của Internet và mạng xã hội

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. PHÒNG TRÁNH TÁC HẠI CỦA INTERNET VÀ MẠNG XÃ HỘI**  **Lời khuyên 1. Đừng để game, mạng xã hội biến mình thành nô lệ**  - Nhiều người nghiện game đến mức suy kiệt sức khỏe.  Nhận biết trẻ nghiện game  - Có người chơi game liên tục nhiều ngày dẫn đến tử vong.  - Trộm cắp, lừa đảo để có tiền chơi game  Đôi bạn tù nghiện game đột nhập gần 20 chùa trộm tài sản - YouTube  - Nhiều bạn sống ảo trong không gian mạng => sống khép kín, rụt rè, thiếu tự tin… | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động **HĐ1**  Theo em, làm thế nào để phòng tránh tác hại của Interent và mạng xã hội?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu ***phòng tránh rủi ro từ Internet***

**a) Mục tiêu:** Biết phòng tránh rủi ro từ Internet

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. PHÒNG TRÁNH RỦI RO TỪ INTERNET**  **Lời khuyên 2. Cảnh giác với kẻ dụ dỗ và bắt nạt**     * Kẻ dụ dỗ bắt nạt thường nhắm đến lứa tuổi học sinh, chúng lôi kéo làm việc “thân mật” hơn qua webcam, hẹn gặp để tặng quà, tâm sự trực tiếp,… rồi chúng ghi hình lại để đe dọa, bắt nạt. * Hãy đề phòng và phải nói với người thân mà em tin tưởng được biết. * Hãy dũng cảm nói ra và nhờ bố mẹ, thầy cô hoặc người thân trong gia đình giúp đỡ   **Lời khuyên 3. Bắt nạt, tiếp tay cho kẻ bắt nạt là vi phạm pháp luật**  - Kẻ xấu bắt nạt bằng cách đe dọa đăng hình ảnh, clip video, đoạn tin nhắn, email,.. có nội dung kín đáo riêng tư lên mạng.  - Kẻ xấu tung tin đồn thất thiệt hay trực tiếp xúc phạm, làm nhục, đe dọa, quấy rối nạn nhân bằng cách gửi tin nhắn, email hay viết trên mạng xã hội.  - Nếu em lan truyền những nội dung có tính bắt nạt kiểu trên tức là em đã tiếp tay cho kẻ bắt nạt, do đó em đã vi phạm pháp luật. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ2  Trả lời các câu hỏi sau:  1) Thế nào là dụ dỗ và bắt nạt trên mạng?  2) Em có thể phòng tránh việc bị dụ dỗ và bắt nạt như thế nào?  3) Em sẽ làm gì khi bị đe dọa trên mạng?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **HS:** Lấy các ví dụ trong thực tế.  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Tìm hiểu ***không vi phạm pháp luật khi dùng Internet***

**a) Mục tiêu:** Biết cách không vi phạm pháp luật khi dùng Internet

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3. KHÔNG VI PHẠM PHÁP LUẬT KHI DÙNG INTERNET**  **Lời khuyên 4. Không lan truyền tin giả, bài viết xuyên tạc sự thật, hình ảnh đồi trụy**  - Các nội dung đồi trụy là phản văn hóa, bị cấm trên mạng theo pháp luật Việt Nam. Cả người đăng và người lan truyền thông tin xấu đều vi phạm pháp luật  **Lời khuyên 5. Đừng vô tình “ăn cắp” trên không gian mạng**  - Dùng mật khẩu của người khác mà không được cho phép là “ăn cắp”  - Dùng mật khẩu “ăn cắp” để xem những thứ không thuộc về mình, không dành cho mình cũng là “ăn cắp”  - Việc lấy trên mạng những hình ảnh đẹp, những bài văn hay của người khác, sau đó đem ra sử dụng nguyên gốc, coi như của mình thì nhẹ gọi là đạo văn, nặng là vi phạm luật bản quyền. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌  biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

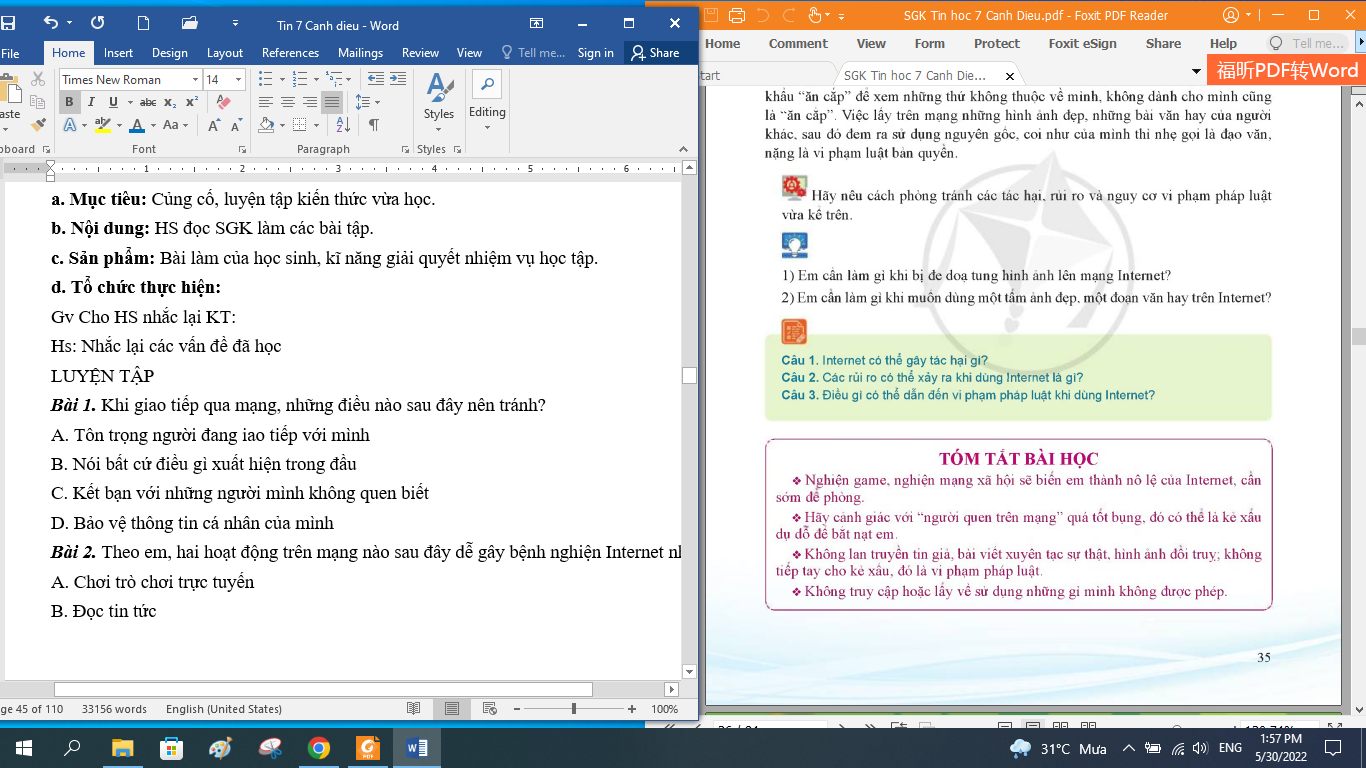
**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (11 phút).

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Hãy nêu cách phòng tránh tác hại, rủi ro và nguy cơ vi phạm pháp luật vừa kể trên.

***Bài 2.*** Em làm gì khi bị đe dọa tung hình ảnh lên mạng internet?

***Bài 3.*** Em cần làm gì khi muốn một tấm ảnh đẹp, một đoạn văn hay trên internet?

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** ( 9 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Internet có thể gây tác hại gì?

Câu 2. Các rủi ro có thể xảy ra khi dùng internet là gì?

Câu 3. Điều gì có thể dẫn đến vi phạm pháp luật khi dùng internet?

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài D5; D6; D7; D8 trang16 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 15 / 11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 11 /11 /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

**CHỦ ĐỀ E. ỨNG DỤNG TIN HỌC**

**BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ CƠ BẢN**

**PHẦN MỀM TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN**

Tuần 13

**Tiết 13: BÀI 1.LÀM QUEN VỚI BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết được phần mềm bảng tính điện tử dùng để làm gì và một số tính năng ưu việt của nó

- Biết được một số thành phần cơ bản trong cửa sổ làm việc của Excel và một số nhóm lệnh, nút lệnh tương tự như trong Word.

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

Trong thực tế nhiều số liệu được trình bày ở dạng bảng để dễ dàng so sánh, sắp xếp, tính toán. Bảng điểm của lớp em là một ví dụ. Em hãy nêu thêm ví dụ khác.

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu từ bảng trong văn bản đến bảng tính điện tử

**- Mục Tiêu:** Biết thế nào là phần mềm bảng tính điện tử

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

| **- Tổ chức thực hiện: Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. TỪ BẢNG TRONG VĂN BẢN ĐẾN BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ**  **Ghi nhớ:**  - Phần mềm bảng tính điện tử là công cụ để tính toán các dữ liệu được trình bày dưới dạng bảng, tự động tính toán theo công thức cho trước, phân tích và tổng hợp dữ liệu, trình bày thông tin trực quan dưới dạng biểu đồ. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  **HĐ1**  Quan sát cách trình bày thông tin dạng bảng và cho biết muốn tính toán tổng cân nặng, chiều cao lớn nhất, trung bình chỉ số BMI … thì làm như nào?    **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu ***bảng tính* điện tử Excel**

**a) Mục tiêu:** làm quen với bảng tính excel

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ EXCEL**   * Có nhiều phần mềm bảng tính điện tử như: Excel, Google Sheets, Open Ofice Calc,… * Khởi động Excel 2016 bằng cách: nháy đúp chuột lên biểu tượng Update for Excel 2016 (KB4011165) | GraVoc trên màn hình nền * Xuất hiện cửa sổ làm việc của Excel | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ  Cửa sổ làm việc của excel có nhiều lệnh tương tự với word, cách thao tác và tác dụng cũng tương tự. Em hãy khám phá những lệnh tương tự nhau.    **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** thực hành làm quen với bảng tính

**a) Mục tiêu:** Làm quen với bảng tính

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3. THỰC HÀNH LÀM QUEN VỚI BẢNG TÍNH**  **Bài 1.** Cửa sổ trình soạn thảo Word đang mở có trang văn bản chứa Bảng chỉ số BMI của một nhóm. Hãy mở thêm cửa sổ Excel và sao chép bảng này từ Word sang Excel.  ***Hướng dẫn:***  Bước 1. Chọn bảng cần copy  Bước 2. Nhấn Ctrl+C để sao chép  Bước 3. Di chuyển chuột sang bảng tính Excel đang mở  Bước 4. Chọn vị trí cần đặt bảng. Nhấn Ctrl+V để dán dữ liệu    **Bài 2.** Tính tổng cân nặng và điền thêm vào ô dưới cùng của cột cân nặng  ***Hướng dẫn***   1. Trong cột cân nặng, đánh dấu chọn khối ô số liệu từ ô đầu tiên đến ô cuối cùng 2. Nháy chuột vào lệnh ∑   Kết quả mới xuất hiện trong ô dưới cùng cột Cân nặng là gì    **Bài 3.** Sửa lỗi nhập dữ liệu sai để biết Excel sẽ tự động tính lại  ***Hướng dẫn***   * Nháy đúp chuột vào ô dữ liệu cân nặng của Lê Trung Dũng * Sửa thành dữ liệu đúng là 46.5   Kết quả tổng cân nặng mới là bao nhiêu? Có chính xác không?    **Bài 4.** Tạo biểu đồ trình bày thông tin trực quan về chiều cao theo các bước ở hình 3:    ***Kết quả***  **Bài 5.** Lưu tệp, đổi tên mặc định từ “Book1.xlsx” thành “ThucHanh.xlsx”  ***Hướng dẫn:***  Bước 1. Nháy chuột vào mục File  Bước 2. Chọn Save/Save as  Bước 3. Chọn nơi lưu trữ  Bước 4. Gõ tên file ThucHanh  Bước 5. Chọn Save | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức hđ  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌+‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (11 phút).

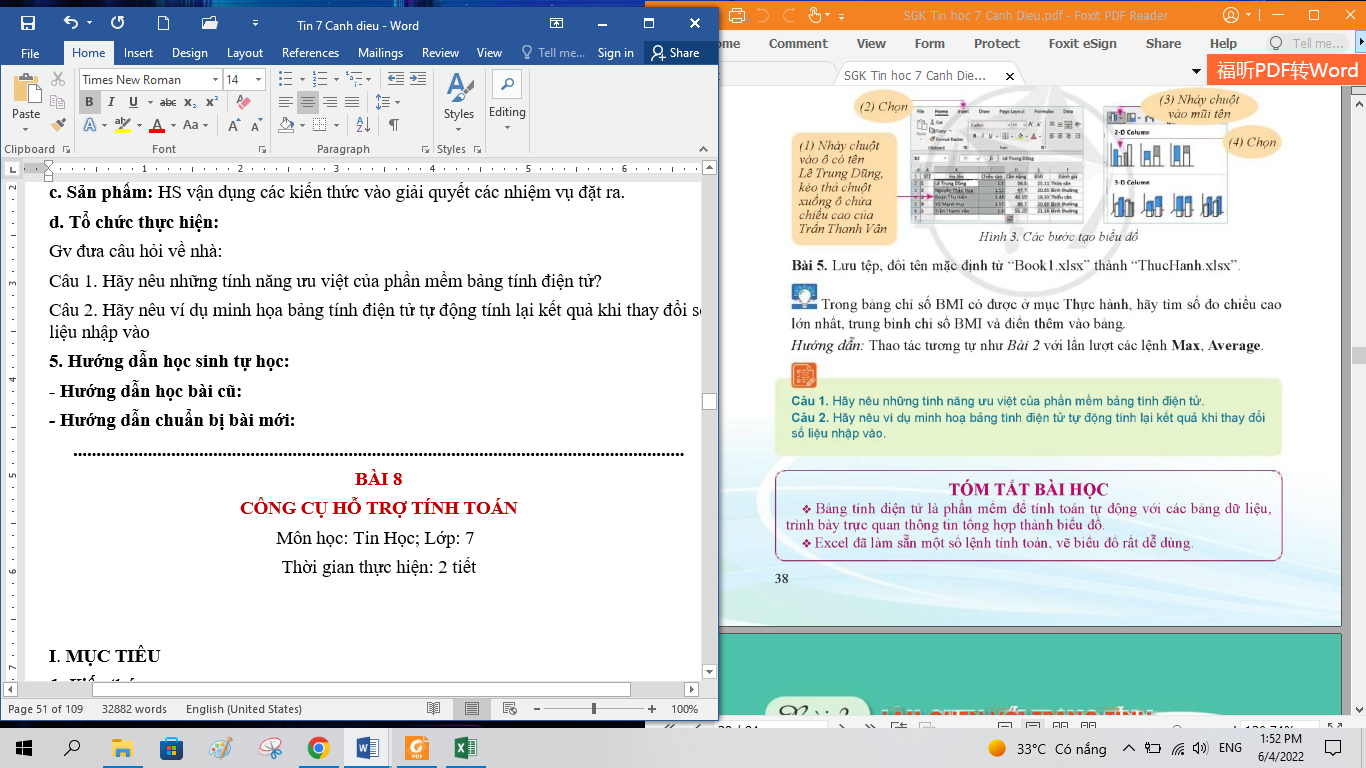
**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Trong bảng chỉ số BMI có được ở mục Thực hành, hãy tìm số đo chiều cao lớn nhất, trung bình chỉ số BMI và điền thêm vào bảng.

Hướng dẫn: Thao tác tương tự như Bài 2 với lần lượt các lệnh Max, Average

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (9 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:**.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Hãy nêu những tính năng ưu việt của phần mềm bảng tính điện tử?

Câu 2. Hãy nêu ví dụ minh họa bảng tính điện tử tự động tính lại kết quả khi thay đổi số liệu nhập vào

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài E1; E2; E3 trang 17 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 22 / 11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 17 / 11/2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

Tuần 14

**Tiết 14: BÀI 2 .LÀM QUEN VỚI TRANG TÍNH**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết được sổ tính, trang tính là gì

- Biết được ô, hàng, cột, tên hàng, tên cột, địa chỉ ô là gì

- Thực hiện được các thao tác đơn giản với ô, hàng, cột

- Gõ nhập được các thao tác đơn giản với ô, hàng, cột

- Gõ nhập được dữ liệu vào đúng ô đích

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

* Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
* Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài:

Bảng trong phần mềm bảng tính có gì khác với bảng trong phần mềm soạn thảo văn bản?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu sổ tính, trang tính và một số thành phần cơ bản

**- Mục Tiêu:** Nắm được sổ tính, trang tính và một số thành phần cơ bản

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Sổ tính, trang tính và một số thành phần cơ bản**    - Cửa sổ làm việc của Excel gồm:  + Thanh điều hướng có các nút tiến, lùi và nhãn chữ (Sheet 1, Sheet 2, Sheet 3)  + Thanh cuộn ngang  + Thanh Trạng Thái  - ***Sổ tính:*** một tệp của chương trình bảng tính điện tử, gồm nhiều trang tính.  - ***Trang tính*** là một lưới kẻ ô gồm các hàng và các cột. Các cột của trang tính được xếp thứ tự theo chữ cái A, B, C, … các chữ cái ày đồng thời là ***tên cột.***  - ***Các hàng*** của trang tính được xếp thứ tự 1, 2, 3, .. các số này đồng thời là tên hàng.  - ***Mỗi ô*** là giao của một cột với một hàng. Ghép tên cột với tên hàng ta được tên ô (hay địa chỉ ô). Ví dụ ô A3, B5, …  ***Ghi nhớ:*** Tên cột là các chữ cái, tên hàng là các số. tên ô (địa chỉ ô) là ghép liền tên cột với tên hàng.  **Vận dụng:**  Thực hiện mỗi thao tác và trả lời câu hỏi:   1. Chọn một ô (hoặc một cột, một hàng), điều gì cho em biết thao tác chọn đó đã thành công? 2. Kéo thanh cuộn đứng xuống dưới, các tên hàng sẽ thay đổi như thế nào? 3. Kéo thanh cuộn ngang sang phải, các tên cột sẽ thay đổi như thế nào? | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  **HĐ1**  Em hãy quan sát cửa sổ làm việc của excel và chỉ rõ các thành phần cơ bản trên trang tính  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu ***thao tác với hàng và cột***

**a) Mục tiêu:** Nắm được ***thao tác với hàng và cột***

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. Thao tác với hàng và cột**  ***Điều chỉnh độ rộng cột***  - Trỏ chuột vào vạch phân chia giữa hai ô tên cột, chuột sẽ có hình mũi tên về hai phía  - Kéo thả chuột để điều chỉnh độ rộng cột  ***Điều chỉnh độ cao hàng***  - Trỏ chuột vào vạch phân chia giữa hai ô tên hàng, chuột sẽ có hình mũi tên về hai phía  - Kéo thả chuột để điều chỉnh độ cao hàng  ***Chèn thêm cột trống***  Chọn một cột (nháy vào tên cột) và thao tác như sau: Chọn  **Home\Insert** (thuộc nhóm lệnh Cells) => cột mới được chèn phía trái cột đã chọn  ***Chèn thêm hàng trống***  Chọn một cột (nháy vào tên cột) và thao tác như sau: Chọn  **Home\Insert** (thuộc nhóm lệnh Cells) => hàng mới được chèn phía trên hàng đã chọn  Chú ý: Nhấn giữ Ctrl và nháy chuột chọn nhiều cột (nhiều hàng) sau đó thao tác chèn thì sẽ thêm được nhiều cột (nhiều hàng) cùng một lúc.  ***Xóa toàn bộ cột, toàn bộ hàng***  Làm tương tự như thao tác chèn, nhưng chọn **Delete** thay cho Insert | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ2  Em đã biết có những thao tác nào với hàng và cột trong Excel?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **HS:** Lấy các ví dụ trong thực tế.  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Tìm hiểu nhập sửa và xóa dữ liệu

**a) Mục tiêu:** Nắm được thao tác nhập sửa và xóa dữ liệu

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3. Nhập, sửa và xóa dữ liệu**  ***Nhập dữ liệu***  **-** Dữ liệu được nhập vào trang tính theo từng ô.  - Dữ liệu nhập vào là số thì sẽ được căn thẳng theo biên phải (của ô)  - Dữ liệu nhập vào là văn bản thì sẽ được căn thẳng theo biên trái (của ô)  - Việc nhập dữ liệu cho một ô sẽ kết thúc khi ta chuyển sang ô khác. Một số cách chuyển sang ô khác như sau:  + Nhấn Enter  + Nhấn phím Tab  + Nháy chuột vào ô tiếp theo muốn nhập nội dung  + Sử dụng các phím mũi tên  ***Sửa dữ liệu nhập sai***  Bước 1. Đưa con trỏ soạn thảo vào o dữ liệu cần sửa, nháy đúp chuột hoặc chọn ô rồi nhấn F2  Bước 2. Di chuyển con trỏ đến vị trí sai, sửa lại chỗ sai  ***Xóa dữ liệu:*** Chọn ô có dữ liệu muốn xóa và nhấn **Delete** hoặc phím **Backspace** | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức các hoạt động cho học sinh  Em muốn nhập, sửa và xóa dữ liệu trong ô thì làm như nào?  **HS:** suy nghĩ, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌**\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Thực hành nhập dữ liệu

**a) Mục tiêu:** Rèn kỹ năng nhập liệu trong bảng tính

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **4. Thực hành nhập dữ liệu**  Mở bảng tính “ThucHanh.xlsx” để nhập thêm một số ô dữ liệu vào bảng đã có  **Bài 1.** Thêm cột Điện Thoại cho Bảng chỉ số BMI của một nhóm và nhập liệu    **Bài 2.** Chèn thêm một hàng mới ngay bên dưới hàng dữ liệu của Nguyễn Thảo Hoa, sau đó nhập dữ liệu. Tạm bỏ trống các ô BMI, Đánh giá; sau này sẽ tự động cập nhật theo công thức.  \  **Bài 3.** Đặt tên trang tính và lưu các cập nhật mới thực hiện  **Hướng dẫn:** Nháy đúp chuột vào chữ Sheet; con trỏ soạn thảo xuất hiện; gõ nhập tên mới là BMI và lưu tệp | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức cho học sinh thực hành  **HS:** thực hành trên máy tính  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌**\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

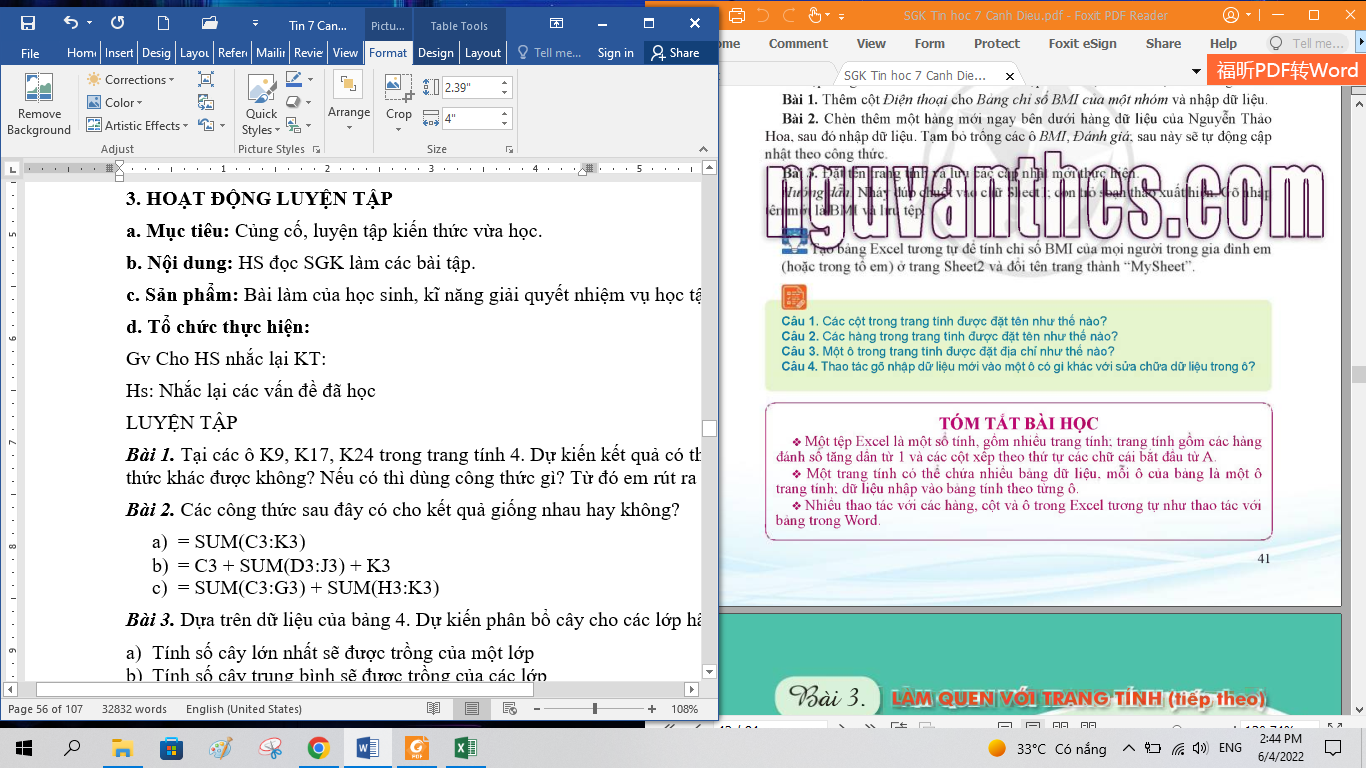
**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (10 phút).

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Tạo bảng Excel tương tự để tính chỉ số BMI của mọi người trong gia đình em (hoặc trong tổ em) ở trang Sheet2 và đổi tên trang thành “MySheet”

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Câu 1.** Các cột trong trang tính được đặt tên như thế nào?

**Câu 2.** Các hàng trong trang tính được đặt tên như thế nào?

**Câu 3.** Một ô trong trang tính được đặt địa chỉ như thế nào?

**Câu 4.** Thao tác gõ nhập dữ liệu mới vào một ô có gì khác với sửa chữa dữ liệu trong ô?

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài E7; E8; E9 trang 18 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 29 / 11 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 24 /11 /2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

Tuần 15

**Tiết 15: BÀI 3 .LÀM QUEN VỚI TRANG TÍNH (TIẾP THEO)**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết được hộp tên là gì, thanh công thức là gì và mối liên quan đến ô dữ liệu.

- Biết được khối ô là gì

- Thực hiện được các thao tác sao chép, di chuyển khối ô

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

- Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

- Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

Em có biết làm thế nào để chọn ô ABC123 trong bảng tính một cách nhanh nhất không?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu hộp tên, thanh công thức và dữ liệu trong ô

**- Mục Tiêu:** Nắm được hộp tên, thanh công thức và dữ liệu trong ô

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Hộp tên, thanh công thức và dữ liệu trong ô**  Thanh ngay bên dưới vùng nút lệnh và ở bên trên các tên cột, gồm có:   * Hộp tên * Các nút lệnh * Vùng nhập dữ liệu     Nháy chuột chọn một ô, địa chỉ ô xuất hiện trong hộp tên  Khi biết chính xác địa chỉ ta chỉ việc gõ địa chỉ vào hộp tên để chọn ô đó  Thanh công thức hiển thị nội dung của ô đang chọn. Có các trường hợp:  - Nội dung dữ liệu giống như ta gõ vào ô được chọn: ta gọi là *dữ liệu trực tiếp*  - nội dung bắt đầu với dấu “=”; đó là *một công thức* | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  HĐ1  Em hãy chỉ rõ đâu là hộp tên, thanh công thức?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:*** Tìm hiểu ***khối ô***

**a) Mục tiêu:** Nắm được thế nào là khối ô

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. Khối ô**  - Khối ô là một nhóm ô liền kề nhau tạo thành hình chữ nhật.  - Tên khối hay địa chỉ của khối là cặp địa chỉ của ô góc trên bên trái và ô góc dưới bên phải, được phân cách nhau bởi dấu “:”. Ví dụ: B7:Z7, G7:G20  ***Chọn một khối ô:***  - Kéo thả chuột giống như “bôi đen”  - Trỏ chuột vào đường viền biên khối ô, chuột sẽ có hình mũi tên 4 hướng, cho phép kéo thả khối ô tùy ý sang vị trí mới.  - Count: số lượng ô có dữ liệu trong khối  - Sum: tổng số của các số liệu trong khối  - Average: trung bình cộng của các số liệu trong khối (Hình 2)    *Bỏ đánh dấu chọn:* nháy chuột ở bên ngoài khối ô  *Xóa dữ liệu trong khối ô:* chọn khối ô sau đó nhấn phím Delete  **Vận dụng**   1. Mở tệp “ThucHanh.xlsx” trong bảng chỉ số BMI của một nhóm, hãy cho biết ô nào chứa dữ liệu trực tiếp. 2. Chọn một khối ô và cho biết các thông tin hiển thị trên thanh trạng thái 3. Chọn khối ô chứa các ô số liệu trong một cột của bảng chỉ số BMI của một nhóm 4. Chọn khối ô chứa các ô số liệu trong bảng chỉ số BMI của một nhóm 5. Chọn toàn bộ một cột, một hàng (của trang tính) có chứa dữ liệu, cho biết kết quả hiển thị trên thanh trạng thái | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ2  Thế nào là một khối ô? Các thao tác với khối ô là gì?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Tìm hiểu ***sao chép, di chuyển khối ô***

**a) Mục tiêu:** Nắm được thao tác sao chép, di chuyển khối ô

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3.** **Sao chép, di chuyển khối ô**  ***Sao chép khối ô sang chỗ khác***   * Bước 1: Chọn khối ô * Bước 2: Ấn Ctrl + C * Bước 3: Nháy chuột chọn ô là góc trên bên trái của đích đến * Bước 4: Nhấn Ctrl+V   ***Di chuyển khối ô***  Trỏ chuột vào biên khối ô để di chuyển    Nếu đích đến của khối ô không phải là vùng trống mà có dữ liệu thì Excel sẽ hỏi, nhắc kiểm tra để không vô tình đè lên dữ liệu có ở đó từ trước.  ***Chèn khối ô***  Giữ phím Shift trong khi thao tác kéo thả khối ô đến vị trí mới thì các ô đã có dữ liệu sẽ không bị viết đè lên mà bị đẩy dịch sang vị trí khác | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ  Em hãy trình bày thao tác sao chép, di chuyển khối ô?  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 4:*** Thực hành với khối ô

**a) Mục tiêu:** Luyện kỹ năng sử dụng khối ô

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **4. Thực hành với khối ô**  **Bài 1.**   1. Chọn khối ô vừa đủ chứa trọn Bảng chỉ số BMI của một nhóm và cho biết địa chỉ khối ô là gì? 2. Kéo thả di chuyển khối ô sang vị trí mới, cho biết địa chỉ mới của khối ô 3. Cắt dán để di chuyển khối ô sang vị trí mới; sao chép khối ô sang vị trí mới   **Bài 2.** Chuyển vị trí cột Điện thoại trong Bảng chỉ số BMI của một nhóm để trở thành cột liền kề bên phải cột Họ tên | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức cho học sinh thực hành, giao nhiệm vụ cho học sinh  **HS:** thực hành trên máy  GV: hướng dẫn cụ thể  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌**\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (10 phút).

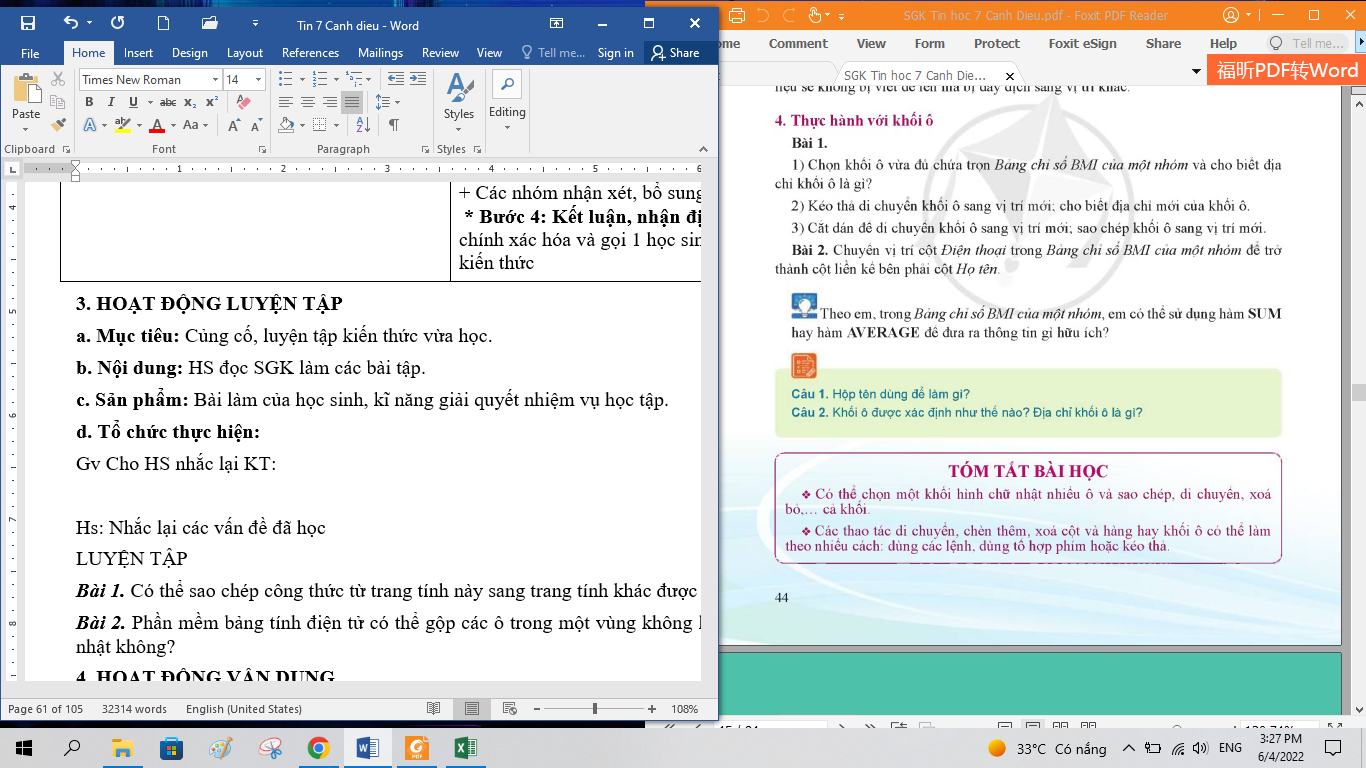
**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Theo em, trong Bảng chỉ số BMI của một nhóm, em có thể sử dụng hàm SUM hay hàm AVERAGE để đưa ra thông tin gì hữu ích?

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Hộp tên dùng để làm gì

Câu 2. Khối ô được xác định như thế nào? Địa chỉ khối ô là gì?

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài E16; E17; E18; E19 trang 20 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 6 / 12 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 2 / 12/2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày /12 /2024. Lớp 7B dạy ngày /12 /2024

Lớp 7C dạy ngày /12 /2024. Lớp 7D dạy ngày /12 /2024

Lớp 7E dạy ngày / 12/2024. Lớp 7G dạy ngày /12 /2024.

Tuần 16

**Tiết 16: BÀI 4 .ĐỊNH DẠNG HIỂN THỊ DỮ LIỆU SỐ**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết được Excel đã làm sẵn nhiều định dạng hiển thị số liệu

- Thực hiện được thao tác áp dụng một số định dạng số thông dụng

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

- Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

- Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

Làm cách nào để Excel nhận biết có những số liệu không áp dụng cộng trừ nhân chia được, ví dụ như số điện thoại?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu các dạng hiển thị số liệu trong Excel

**- Mục Tiêu:** Nắm được cácdạng hiển thị số liệu trong Excel

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Các dạng hiển thị số liệu trong Excel**  - Các ô trong trang tính chứa dữ liệu. Đó là văn bản và số để tính toán nhưng thể hiện nội dung khác nhau  - Khi mở trang tính mới, các ô có định dạng hiển thị **General** theo mặc định.  - Các lệnh trong nhóm lệnh **Numbe**r của dải lệnh **Home**    *Hình 1. Các lệnh trong nhóm lệnh Number*  *a) Number (định dạng hiển thị số)*  - Quy định số chữ số thập phân mặc định là 2.  - Muốn tăng (giảm) số chữ số thập phân thực hiện: **Home\trong nhóm lệnh Number\Increase Decimal/Decrease Decimal**  **-** Quy định phân cách từng nhóm 3 chữ số (nghìn, triệu, tỉ) bằng dấu “,” hay dấu “.”. Thao tác nhanh bằng lệnh Comma style trong nhóm lệnh Number  *b) Currency (kí hiệu tiền tệ)*  Mặc định dùng kí hiệu đô la ($) (chọn Home/Accounting Number Format để thao tác nhanh)  *c) Percentage (hiển thị số liệu dưới dạng phần trăm):*  Thao tác nhanh bằng lệnh “%” (Home\Percentage Style) | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  **HĐ1:**  Mở trang tính có một cột số bất kì hoặc nhập một cột số liệu tùy ý. Chọn một khối ô số liệu trong cột này. Cho biết kết quả khi lựa chọn hiển thị số với các thao tác sau:   1. Nháy chuột vào các lệnh $”; “%”; “,” 2. Chọn áp dụng định dạng Number cho khối ô: mở danh sách thả xuống của hộp General và nháy chọn Number 3. Nháy chuột vào lệnh  để tăng, giảm độ dài phần thập phân.   **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2:* Thực hành với các dạng hiển thị số liệu**

**a) Mục tiêu:** luyện thành thạo với các dạng hiển thị số liệu

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**

HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. Thực hành với các dạng hiển thị số liệu**  ***Nhiệm vụ:*** Tệp “ThucHanh.xlsx” có bảng được sao chép từ Word nên các ô số liệu đều ở dạng mặc định **General**. Hãy áp dụng định dạng số liệu của Excel sao cho thích hợp với các cột số liệu. Ví dụ, chiều cao là số có một chữ số phần thập phân; cân nặng là số không có chữ số phần thập phân; BMI là số có hai chữ số phần thập phân. | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** bố trí phòng máy, giao nhiệm vụ cho học sinh thực hành  **HS:** thực hành trên máy  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌+‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

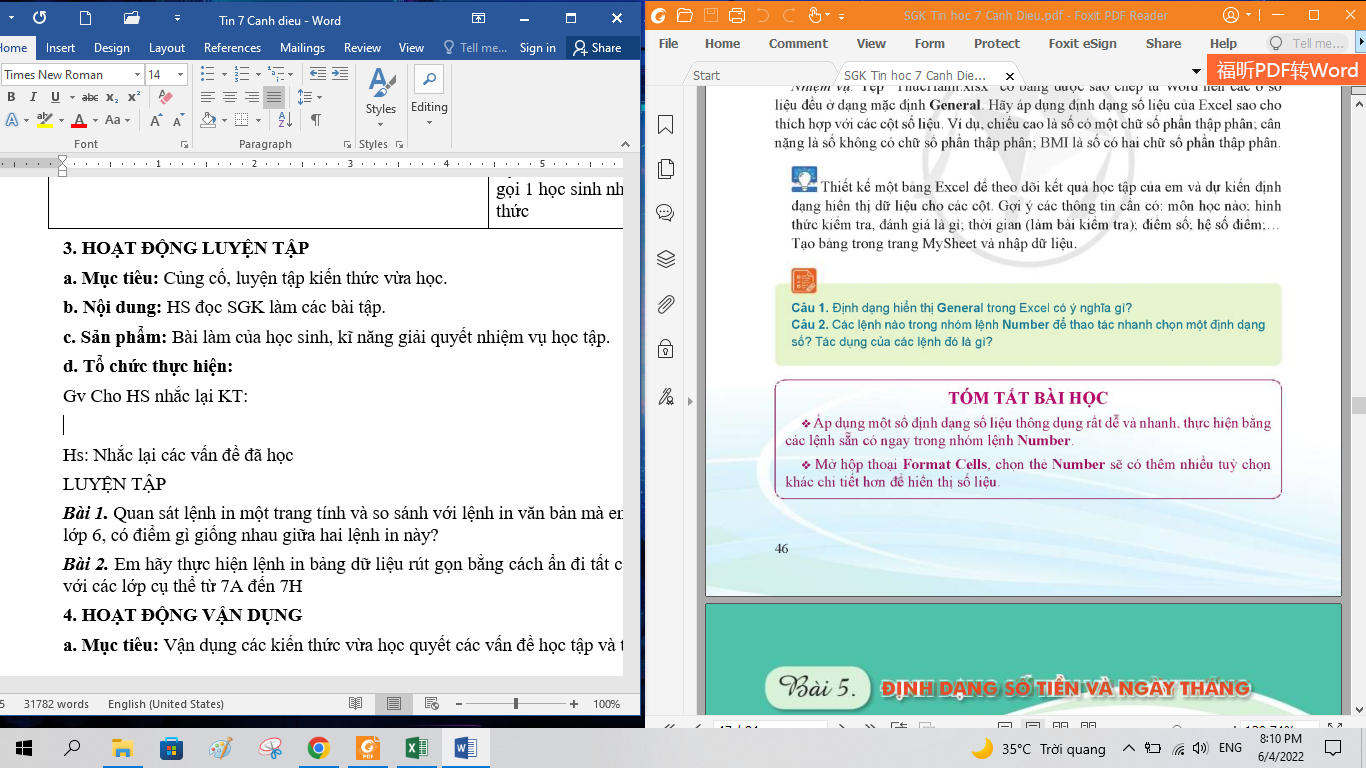
**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (11 phút).

**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Thiết kế một bảng Excel để theo dõi kết quả học tập của em và dự kiến định dạng hiển thị dữ liệu cho các cột. Gợi ý các thông tin cần có: môn học nào; hình thức kiểm tra, đánh giá là gì; thời gian (làm bài kiểm tra); điểm số; hệ số điểm; … Tạo bảng trong trang MySheet và nhập dữ liệu.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (9 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Định dạng hiển thị General trong Excel có ý nghĩa gì?

Câu 2. Các lệnh nào trong nhóm lệnh Number để thao tác nhanh chọn một định dạng số? Tác dụng của các lệnh đó là gì?

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài E25; E26; E27; E28 trang 22 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Xem trước bài mới.

**Ký duyệt: 13 / 12 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 8 / 12/2024

Ngày dạy: Lớp 7A dạy ngày / /2024. Lớp 7B dạy ngày / /2024

Lớp 7C dạy ngày / /2024. Lớp 7D dạy ngày / /2024

Lớp 7E dạy ngày / /2024. Lớp 7G dạy ngày / /2024.

Tuần 17

**Tiết 17: BÀI 5 .ĐỊNH DẠNG SỐ TIỀN VÀ NGÀY THÁNG**

**I**. **MỤC TIÊU**

***1****.* ***Kiến thức:***

- Biết được Excel có sẵn các định dạng số tiền và ngày tháng cho nhiều quốc gia.

- Thực hiện được thao tác áp dụng định dạng số tiền và ngày tháng kiểu Việt Nam.

***2****.* ***Năng lực:***

***a) Năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***b) Năng lực riêng:***

- Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

- Tổ chức và trình bày thông tin.

***3****.* ***Phẩm chất:*** Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.

**II**. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

Chuẩn bị bài giảng, máy chiếu, máy chiếu vật thể.

**2. Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi

- Kiến thức đã học.

**III**. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** (5 phút)

- **Mục tiêu**: Tạo hứng thú học tập cho học sinh

- **Nội dung**: Hs dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi

- **Sản phẩm**: Từ yêu cầu Hs vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra

- **Tổ chức thực hiện**: GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài

Em có biết cách hiển thị số tiền theo đồng tiền của Việt Nam trong Excel hay không?

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** ( 20 phút)

***Hoạt động 1:*** Tìm hiểu định dạng hiển thị số tiền

**- Mục Tiêu:** Biết cách định dạng hiển thị số tiền

**- Nội dung**: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

-  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành tìm hiều kiến thức

**- Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **1. Định dạng hiển thị số tiền**  ***a) Hiển thị số tiền bằng đồng đô la:*** thao tác nhanh: nháy lệnh “$”  ***b) Áp dụng kí hiệu tiền tệ một số nước khác***  Bước 1. Nháy chuột vào dấu trỏ xuống cạnh lệnh “$” sẽ thả xuống một danh sách các kí hiệu tiền tệ  Bước 2. Chọn kí hiệu đồng tiền thích hợp  ***c) Áp dụng kí hiệu tiền Việt Nam***  Bước 1. Mở hộp thoại **Format Cells**. Nháy dấu trỏ xuống cạnh nút lệnh “$”, chọn **More Accounting Forrmats**  Bước 2. Trong hộp thoại **Forrmat Cells**, chọn **Number**, chọn **Currency** trong danh sách **Category**, trong hộp **Symbol** chọn dấu trỏ xuống để thả danh sách các kí hiệu tiền tệ  Bước 3. Tìm và nháy chuột chọn đồng tiền Việt Nam (VND) | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** Tổ chức các hoạt động  **HĐ1**  Mở trang tính có một cột số bất kì hoặc nhập một cột số liệu tùy ý. Chọn khối ô số liệu trong cột này. Cho biết kết quả khám phá cách định dạng hiển thị số tiền với các thao tác sau:   1. Nháy nút lệnh “$” 2. Mở danh sách các kí hiệu tiền tệ những nước phát triển trên thế giới như: £, €, ¥,… và lần lượt áp dụng định dạng số tiền của một số nước, khu vực khác như: Anh, EU, Nhật Bản,… 3. Áp dụng định dạng số tiền theo đồng tiền Việt Nam   **HS:** Thảo luận, trả lời  ………………………….  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**   ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌**‌** |

***Hoạt động 2: Tìm hiểu định dạng hiển thị ngày tháng***

**a) Mục tiêu:** Nắm được cách định dạng hiển thị ngày tháng

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **2. Định dạng hiển thị ngày tháng**  ***a) Short Date và Long Date***  Bước 1. Nháy chuột vào dấu trỏ xuống cạnh phải lệnh General sẽ thả xuống danh sách, trong đó có hai mục Long Date và Short Date là định dạng ngày tháng kiểu Anh – Mỹ (English – US)  Bước 2. Nháy chuột chọn áp dụng một trong hai cách  ***b) Ngày tháng kiểu Việt Nam***  Bước 1. Mở hộp thoại **Forrmat Cells**  Bước 2. Chọn **Date** trong mục **Category**  Bước 3. Tại hộp **Locale (location)** chọn **Vietnamese**  Bước 4. Tại hộp **Type** chọn 1 định dạng | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ2  Gõ nhập vào cột có một số ô dữ liệu phù hợp với kiểu ngày tháng; chú ý có một số ngày lớn hơn 12; chọn khối ô vừa nhập. Cho biết kết quả các định dạng hiển thị ngày tháng với các thao tác sau:  1) Mở danh sách thả xuống của lệnh Ggeneeral, áp dụng định dạng Shorrt Date cho cột này  2) Áp dụng định dạng Long Date cho cột này  **HS:** Thảo luận, trả lời  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

***Hoạt động 3:*** Thực hành định dạng hiển thị ngày tháng

**a) Mục tiêu:** luyện kỹ năng định dạng hiển thị ngày tháng

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Sản phẩm dự kiến** | **Hoạt động của giáo viên và học sinh** |
| --- | --- |
| **3. Thực hành định dạng hiển thị ngày tháng**  **Nhiệm vụ**  1) Thêm cột Ngày sinh và nhập số liệu cho Bảng chỉ số BMI của một nhóm  2) Áp dụng định dạng ngày tháng kiểu Việt Nam | **\*‌ ‌Bước‌ ‌1:‌ ‌Chuyển‌ ‌giao‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌**  **GV:** tổ chức HĐ3, giao nhiệm vụ cho học sinh  **HS:** thực hành trên máy tính  **\*‌ ‌Bước‌ ‌2:‌ ‌Thực‌ ‌hiện‌ ‌nhiệm‌ ‌vụ:‌ ‌ ‌**  ‌+‌ ‌HS:‌ ‌Suy‌ ‌nghĩ,‌ ‌tham‌ ‌khảo‌ ‌sgk‌ ‌trả‌ ‌lời‌ ‌câu‌ ‌hỏi‌ ‌  +‌ ‌GV:‌ ‌quan‌ ‌sát‌ ‌và‌ ‌trợ‌ ‌giúp‌ ‌các‌ ‌cặp.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌3:‌ ‌Báo‌ ‌cáo,‌ ‌thảo‌ ‌luận:‌ ‌ ‌**  +‌ ‌HS:‌ ‌Lắng‌ ‌nghe,‌ ‌ghi‌ ‌chú,‌ ‌một‌ ‌HS‌ ‌phát‌ ‌biểu‌ ‌lại‌ ‌các‌ ‌tính‌ ‌chất.‌ ‌ ‌  +‌ ‌Các‌ ‌nhóm‌ ‌nhận‌ ‌xét,‌ ‌bổ‌ ‌sung‌ ‌cho‌ ‌nhau.‌ ‌ ‌  **\*‌ ‌Bước‌ ‌4:‌ ‌Kết‌ ‌luận,‌ ‌nhận‌ ‌định:‌ ‌‌**GV‌ ‌chính‌ ‌xác‌ ‌hóa‌ ‌và‌ ‌gọi‌ ‌1‌ ‌học‌ ‌sinh‌ ‌nhắc‌ ‌lại‌ ‌kiến‌ ‌thức‌ |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** (10 phút).

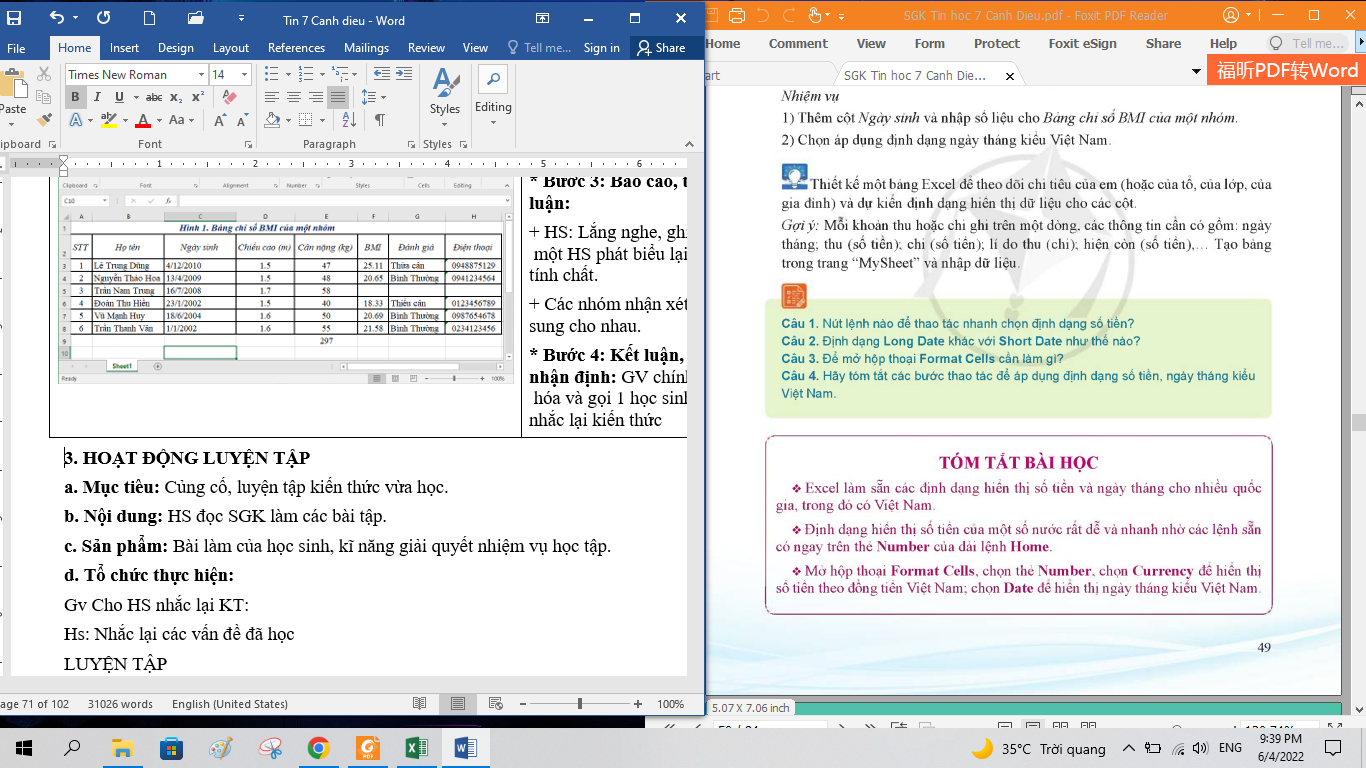
**a. Mục tiêu:** Củng cố, luyện tập kiến thức vừa học.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh, kĩ năng giải quyết nhiệm vụ học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Gv Cho HS nhắc lại KT:



Hs: Nhắc lại các vấn đề đã học

LUYỆN TẬP

***Bài 1.*** Thiết kế một bảng Excel để theo dõi chi tiêu của em (hoặc của tổ, của lớp, của gia đình) và dự kiến định dạng hiển thị dữ liệu cho các cột

Gợi ý:

Mỗi khoản thu hoặc chi ghi trên một dòng, các thông tin cần có gồm: ngày tháng; thu (số tiền); chi (số tiền); lí do thu (chi); hiện còn (số tiền),… Tạo bảng trong trangg “MySheet” và nhập dữ liệu.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** (10 phút).

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức vừa học quyết các vấn đề học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS đọc SGK, làm các bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS vận dụng các kiến thức vào giải quyết các nhiệm vụ đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:** Gv đưa câu hỏi về nhà:

Câu 1. Nút lệnh nào để thao tác nhanh chọn định dạng số tiền?

Câu 2. Định dạng Long Date khác với Short Date như thế nào?

Câu 3. Để mở hộp thoại Forrmat Cells cần làm gì?

Câu 4. Hãy tóm tắt các bước thao tác để áp dụng định dạng số tiền, ngày tháng kiểu Việt Nam.

**Hướng dẫn học sinh tự học:**

- Hướng dẫn học bài cũ: Làm bài E29; E30; E31 trang 23 trong SBT.

*-* Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Ôn lại các kiến thức đã học để chuẩn bị kiểm tra cuối kì I

**Ký duyệt: 20 / 12 /2024**

**Nguyễn Đăng Định**

Ngày soạn: 17 / 12 /2024

Ngày kiểm tra: Lớp 7A kiểm tra ngày / /202 .

Lớp 7B kiểm tra ngày / /202 .

Lớp 7C kiểm tra ngày / /202 .

Lớp 7D kiểm tra ngày / /202 .

Lớp 7E kiểm tra ngày / /202 .

Lớp 7G kiểm tra ngày / /202 .

Tuần 18

**Tiết 18:**  **KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**I. Xác định mục tiêu:**

***1.******Kiến thức:***

- Giúp học sinh hệ thống lại kiến thức của chủ đề A,C.

- Kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh sau khi học xong học kì I năm học **2024- 2025** để từ đó có phương pháp uốn nắn kịp thời ở cuối học kì I của năm học. Cụ thể, kiểm tra về:

+ Chủ đề A: Máy tính và cộng đồng

+ Chủ đề C: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.

+ Chủ đề D: Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số.

+ Chủ đề E: Ứng dụng tin học.

***2.Năng lực:*** Giúp HS hình thành và phát triển

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự giác, tích cực, tự mình hoàn thành nội dung bài kiểm tra để trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh vận dụng linh hoạt kiến thức đã học để làm đề.

- Năng lựcsử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; Ứng xử phù hợp trong môi trường số **(Nla và NLb)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Năng lựchệ thống lại kiến thức đã học; Giải quyết *Tỉ lệ %* | 40% | 30% | 20% | 10% | 100% |

***3. Xây dựng đề kiểm tra:***

***Ma trận***

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN TIN HỌC LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng | Khái niệm hệ điều hành và phần mềm ứng dụng | 2  0,5đ |  | 2  0,5đ |  |  |  |  |  | 10%  (1 đ) |
| **2** | Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin | Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet | 4  1đ |  | 4  1đ |  |  |  |  |  | 20%  (2 đ) |
|  | Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số | Văn hoá ứng xử qua phương tiện truyền thông số | 4  1đ |  | 2  0,5đ |  |  |  |  | 1  1đ | 25%  (2.5 đ) |
|  | Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Một số thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản | 6  1,5đ |  | 4  1đ |  |  | 1  2đ |  |  | 40%  (4.5 đ) |
| *Tổng* | | | ***16*** |  | ***12*** |  |  | ***1*** |  | ***1*** |  |
| Tỉ lệ % | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
| Tỉ lệ chung | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ (CUỐI HK I)**

**MÔN: TIN HỌC LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/  Chủ đề | Nội dung/ Đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng** | Khái niệm hệ điều hành và phần mềm ứng dụng | **Nhận biết**  – Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính; Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng (Phần mềm luyện gõ phím, Word, Paint, …..). (Câu 1)  – Nêu được một số biện pháp để bảo vệ máy tính cá nhân, tài khoản và dữ liệu cá nhận. (Cài mật khẩu máy tính, đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc, sao lưu dữ liệu, quét virus…) (Câu 2)  **Thông hiểu**  – Giải thích được chức năng điều khiển của hệ điều hành, qua đó phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng; Phân biệt được loại tệp thông qua phần mở rộng. (Câu 3, Câu 4)  **Vận dụng**  – Thao tác thành thạo với tệp và thư mục. | 2(TN) | 2(TN) |  |  |
|  | **Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin** | Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet | **Nhận biết**  – Nhận biết một số website là mạng xã hội (Facebook, YouTube, Zalo, Instagram …) (Câu 5, Câu 6)  – Nêu được tên kênh và thông tin trao đổi chính trên kênh đó như Youtube cho phép trao đổi, chia sẻ …về Video; Website nhà trường chứa các thông tin về hoạt động giáo dục của nhà trường, …..) (Câu 7)  – Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội: kết nối, giao lưu, chia sẻ, thảo luận và trao đổi thông tin… (Câu 8)  **Thông hiểu**  – Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái. (Câu 9, Câu 10, Câu 11, Câu 12)  **Vận dụng**  – Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin: tạo tài khoản, hồ sơ trực tuyến, kết nối với bạn cùng lớp, chia sẻ tài liệu học tập, tạo nhóm trao đổi …. | 4(TN) | 4(TN) |  |  |
|  | **Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số** | Văn hoá ứng xử qua phương tiện truyền thông số | **Nhận biết**  – Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet. (Câu 13, Câu 14)  – Nêu được cách ứng xử hợp lí khi gặp trên mạng hoặc các kênh truyền thông tin số những thông tin có nội dung xấu, thông tin không phù hợp lứa tuổi.(Câu 15, Câu 16)  **Thông hiểu:**  – Nêu được một số ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin và kênh truyền thông tin. (Câu 17, Câu 18)  **Vận dụng:**  – Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết, chẳng hạn khi bị bắt nạt trên mạng.  – Lựa chọn được các biện pháp phòng tránh bệnh nghiện Internet.  **Vận dụng cao:**  Thực hiện được giao tiếp qua mạng (trực tuyến hay không trực tuyến) theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hoá. (Câu 30) | 4(TN) | 2(TN) |  | 1(TL) |
|  | **Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | Một số thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản | **Nhận biết**  – Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn. (Câu 19, Câu 20, Câu 21, Câu 22)  - Phát biểu được các bước thực hiện các thuật toán sắp xếp và tìm kiểm cơ bản. (Câu 23, Câu 24)  **Thông hiểu**  – Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản, bằng các bước thủ công (không cần dùng máy tính). (Câu 25, Câu 26)  – Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh hoạ. (Câu 27, Câu 28)  **Vận dụng**  – Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán đó trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ. (Câu 29) | 6(TN) | 4(TN) | 1(TL) |  |
| **Tổng** | | |  | **16 TN** | **12 TN** | **1 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

II. Đề bài kiểm tra

**A. Trắc nghiệm (7 điểm)**

***Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng***

**Câu 1: Chúng ta gọi dữ liệu hoặc lệnh được nhập vào máy tính là:**

A. Dữ liệu được lưu trữ B. Thông tin vào C. Thông tin ra D. Thông tin máy tính

**Câu 2:** Em hãy chỉ ra đâu là tên phần mềm ứng dụng:

A. Windows10 B. Windows 8 C. Word E. MP3

**Câu 3:** Tên tệp có phần mở rộng .doc thuộc loại tệp gì.

A. Không có loại tệp này B. Tệp Chương trình máy tính

C. Tệp dữ liệu của phần mềm Microsoft Word D. Tệp dữ liệu video

**Câu 4:** Phần mở rộng tệp của chương trình soạn thảo văn bản word có đuôi là.

A. mp4 B.docx C. ppt D. exe

**Câu 5:** Tên nào dưới đây dùng để truy cập vào website mạng xã hội.

A. Microsotf word B. Paint C. Facebook D.MindMaple

**Câu 6:** Địa chỉ nào sau đây là địa chỉ thư điện tử.

[A. www.nvbgd.vn](http://www.nvbgd.vn/) B. [thu\_hoai.432@yahoo.com](mailto:thu_hoai.432@yahoo.com)

C. Hoangth&hotmail.com D. [Hoa675439@gf@gmail.com](about:blank)

**Câu 7:**Mạng xã hội nào dưới đây người sử dụng có thể xem, chia sẻ, bình luận hoặc tải lên video. A. Scratch B. Instagram C.Youtube D. MindMaple

**Câu 8:** Trong các tên sau đây, tên nào không phải là tên của trình duyệt web.

A.Internet Explorer B. Côc côc C.Google Chrome D. Windows Explorer

**Câu 9:** Hành vi nào dưới đây KHÔNG phải là biểu hiện của bệnh nghiện Interner .

A. Bỏ bê việc học hành để lên mạng. B. Hay thức khuya để sử dung mạng.

C. Thấy tức giận, cáu kỉnh khi không được sử dụng máy tính.

D. Thích dành thời gian với gia đình, bạn bè hơn là lên mạng.

**Câu 10:**  Cách tốt nhất em nên làm khi bị ai đó bắt nạt trên mạng là gì?

A. Nói lời xúc phạm người đó. B. Cố gắng quên đi và tiếp tục chịu đựng.

C. Nhờ bố mẹ, thầy cô giáo giúp đỡ, tư vấn. D. Đe dọa người bắt nạt mình.

**Câu 11:** Khi giao tiếp qua mạng em KHÔNG nên:

A. Đọc thông tin trong hộp thư điện tử của người khác.

B. Bảo vệ tài khoản cá nhân trên mạng của mình.

C. Tôn trọng mọi người khi giao tiếp qua mạng.

D. Tự chủ bản thân để sử dụng mạng hợp lí.

**Câu 12:** Khi giao tiếp qua mạng em NÊN.

A.Nói bất cứ điều gì xuất hiện trong đầu. B.Kết bạn với những người mình không quen biết

C. Truy cập bất cứ liên kết nào nhận được. D. Bảo vệ tài khoản cá nhân trên mạng (ví dụ thư điện tử) của mình.

**Câu 13:** Cách ứng xử nào sau đây là hợp lí khi truy cập 1 trang web có nội dung xấu.

A. Tiếp tục truy cập trang web đó. B. Đóng ngay trang web đó.

C. Đề nghị, bố mẹ thầy cô hoặc người có trách nhiệm ngăn chặn truy cập trang web đó.

D. Gửi trang web đó cho bạn bè xem.

**Câu 14: Việc làm nào được khuyến khích khi sử dụng các dịch vụ trên internet?**

A Mở thư điện tử do người lạ gửi

B.Tải các phần mềm miễn phí trên internet không có kiểm duyệt

C.Liên tục vào các trang xã hội để cập nhật thông tin

D.Vào trang web tìm kiếm để tìm tư liệu làm bài tập về nhà

**Câu 15:** Lợi ích của viêc chia bài toán nhỏ hơn là.

A. Thay đổi đầu vào của bài toán. B. Thay đổi yêu cầu đầu ra của bài toán.

C. Thuật toán dễ hiểu và dễ thực hiện hơn. D. Bài toán khó giải quyết hơn.

**Câu 16:** Tại sao chúng ta chia bài toán thành những bài toán nhỏ hơn?

A. Để thay đổi đầu vào của bài toán. B. Để thay đổi yêu cầu đầu ra của bài toán.

C. Để bài toán dễ giải quyết hơn. D. Để bài toán khó giải quyết hơn.

**Câu 17:** Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc gì?

A. Lưu trữ dữ liệu. B. Sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần.

C. Xử lí dữ liệu D. Tìm kiếm dữ liệu cho trước trong một danh sách đã cho.

**Câu 18:** Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc như thế nào?

A. Sắp xếp lại dữ liệu theo thứ tự của bảng chữ cái.

B. Xem xét mục dữ liệu đầu tiên, sau đó xem xét lần lượt từng mục dữ liệu tiếp theo cho đến khi tìm thấy mục dữ liệu được yêu cầu hoặc đến khi hết dánh sách.

C. Chia nhỏ dữ liệu thành từng phần để tìm kiếm.

D. Bắt đầu tìm từ vị trí bất kì của danh sách.

**Câu 19:** Mô tả thuật toán sắp xếp nổi bọt bằng ngôn ngữ tự nhiên gồm có mấy bước cơ bản: A. 4 B. 2 C. 3 D.5

**Câu 20:** Thuật toán sắp xếp nổi bọt sắp xếp lại danh sách bằng cách:

A. Chọn phần tử có giá trị bé nhất đặt vào đầu danh sách.

B. Chọn phần tử có giá trị lớn nhất đặt vào đầu danh sách.

C. Hoán đổi nhiều lần các phần tử liền kề nếu giá trị của chúng không đúng thứ tự.

D.Chèn phần tử vào vị trí thích hợp để đảm bảo danh sách sắp xếp theo đúng thứ tự.

**Câu 21: Sử dụng máy tìm kiếm em sẽ nhận được kết quả là gì?**

1. Danh sách liên kết trỏ đến các trang web có chứa từ khóa
2. Nội dung thông tin cần tìm trên một trang web
3. Danh sách đại chỉ các trang có chứa thông tin cần tìm
4. Danh sách liên kết dạng văn bản

**Câu 22:** Khi tìm kiếm thông tin bằng máy tìm kiếm, kết quả là danh sách liên kết dưới dạng nào?A.Văn bản B.Hình Ảnh C.Video D.Văn bản, hình ảnh, video

**Câu 23: website nào dưới đây cung cấp công cụ chỉ thị tìm kiếm các trang web trong nội nộ website đó?**

A.Google:http://www.google.com.vn B.Yahoo: <http://www.yahoo.com>

C.Microsoft: <http://www.bing.com> D.Vietnamnet: http://www.vietnam.net

**Câu 24: Để truy cập và trao đổi thông tin trên internet một cách an toàn, em nên thực hiện điều gì dưới đây?**

A.Luôn sử dụng tên và địa chỉ thật của mình B.Thông báo tuổi của mình nhiều hơn

C.Không nhận lời gặp mặt những người mà em mới chỉ trao đổi thông tin vói họ trên mạng

D.Cho biết thông tin về bản thân càng đầy đủ càng tốt

**Câu 25:** [Thuật toán tìm kiếm tuần tự kết thúc khi:](https://khoahoc.vietjack.com/question/906002/thuat-toan-tim-kiem-tuan-tu-ket-thuc-khi)

**A.** Tìm kiếm được vị trí số cần tìm. **B.** Thông báo không tìm thấy số cần tìm.

**C.** Tìm thấy hoặc đã duyệt hết các phần tử trong dãy. **D.** Cả A, B, C đều sai.

**Câu 26:** [Để tìm kiếm một số trong dãy số bằng thuật toán tìm kiếm tuần tự, ta thực hiện:](https://khoahoc.vietjack.com/question/906003/de-tim-kiem-mot-so-trong-day-so-bang-thuat-toan-tim-kiem-tuan-tu-ta-th-7xq4d)

**A.** Lấy ngẫu nhiên một số trong dãy số để so sánh với số cần tìm.

**B.** So sánh lần lượt từ số đầu tiên trong dãy số với số cần tìm.

**C.** Sắp xếp dãy số theo thứ tự tăng dần. **D.** So sánh số cần tìm với số ở giữa dãy số.

**Câu 27:** [Cho dãy số A = {24, 28, 14, 18, 19, 12, 19}. Để tìm kiếm số 19 trong dãy theo thuật toán tìm kiếm tuần tự cần thực hiện mấy lần lặp?](https://khoahoc.vietjack.com/question/906004/cho-day-so-a-24-28-14-18-19-12-19-de-tim-kiem-so-19-trong-day-theo-thu)

**A.** 5 lần **B.** 6 lần **C.** 7 lần **D.** 8 lần

**Câu 28:** [Đầu ra của bài toán tìm kiếm một số trong dãy số cho trước là:](https://khoahoc.vietjack.com/question/906001/dau-ra-cua-bai-toan-tim-kiem-mot-so-trong-day-so-cho-truoc-la)

**A.** Số cần tìm **B.** Dãy số và số cần tìm

**C.** Thông báo vị trí số được tìm thấy

**D.** Thông báo vị trí số được tìm thấy hoặc thông báo không tìm thấy số cần tìm

**B – Tự luận (3 điểm)**

**Câu 29 (2đ).** Lập danh sách những cuốn sách giáo khoa lớp 6 mà em có.

a)Sử dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự để tìm cuốn sách **Mỹ thuật** trong danh sách đó.

b)Sắp xếp tên các cuốn sách theo thứ tự bảng chữ cái rồi liệt kê các bước tìm kiếm sách **Mỹ thuật** theo thuật toán tìm kiếm nhị phân.

**Câu 30 (1đ).** Em hãy đưa ra một số cách nhận diện những trò lừa đảo trên internet?

III. Hướng dẫn chấm

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | | 1 | | 2 | | 3 | | 4 | | 5 | | 6 | | 7 | | 8 | | 9 | | 10 | | 11 | | 12 | | 13 | 14 |
| Đáp án | | B | | C | | B | | B | | C | | B | | C | | D | | D | | C | | A | | D | | C | D |
| Câu | 15 | | 16 | | 17 | | 18 | | 19 | | 20 | | 21 | | 22 | | 23 | | 24 | | 25 | | 26 | | 27 | | 28 | |
| Đáp án | C | | C | | D | | B | | A | | C | | A | | D | | D | | C | | C | | B | | A | | D | |

**B. Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 29** | a. Tìm được cuốn sách Mĩ Thuật bằng thuật toán tuần tự  b. - Thực hiện được thuật toán sắp xếp để sắp tên các cuốn sách theo thứ tự bảng chữ cái  - Dùng phương pháp liệt kê để mô tả thuật toán nhị phân tìm kiếm cuốn sách “Mĩ Thuật” | 1  0.5  0.5 |
| **Câu 30** | Những trò lừa đảo trên Internet thường là:  - Những lời quảng cáo đánh vào lòng tham vật chất  -Những lời dụ dỗ, rủ rê làm những việc liên quan đến các vấn đề nhạy cảm  - Những tin nhắn tự giới thiệu là người quen của cha mẹ để bảo em làm điều gì đó mà không cho bố mẹ biết  - Tin nhắn của người lạ hay đại diện cho một tổ chức nào đó liên quan đến tiền bạc, những lời giới thiệu gây tò mò, hiếu kì, …  ***Ghi chú :*** *HS nêu được đúng trò lừa đảo trên internet hiện nay mà không trùng với các đáp án trên vẫn được điểm ; mỗi nội dung đúng được 0.25 điểm, tối đa 1 điểm;* | 0.25  0.25  0.25  0.25 |

**Ký duyệt: / 1 /202**

**Nguyễn Đăng Định**